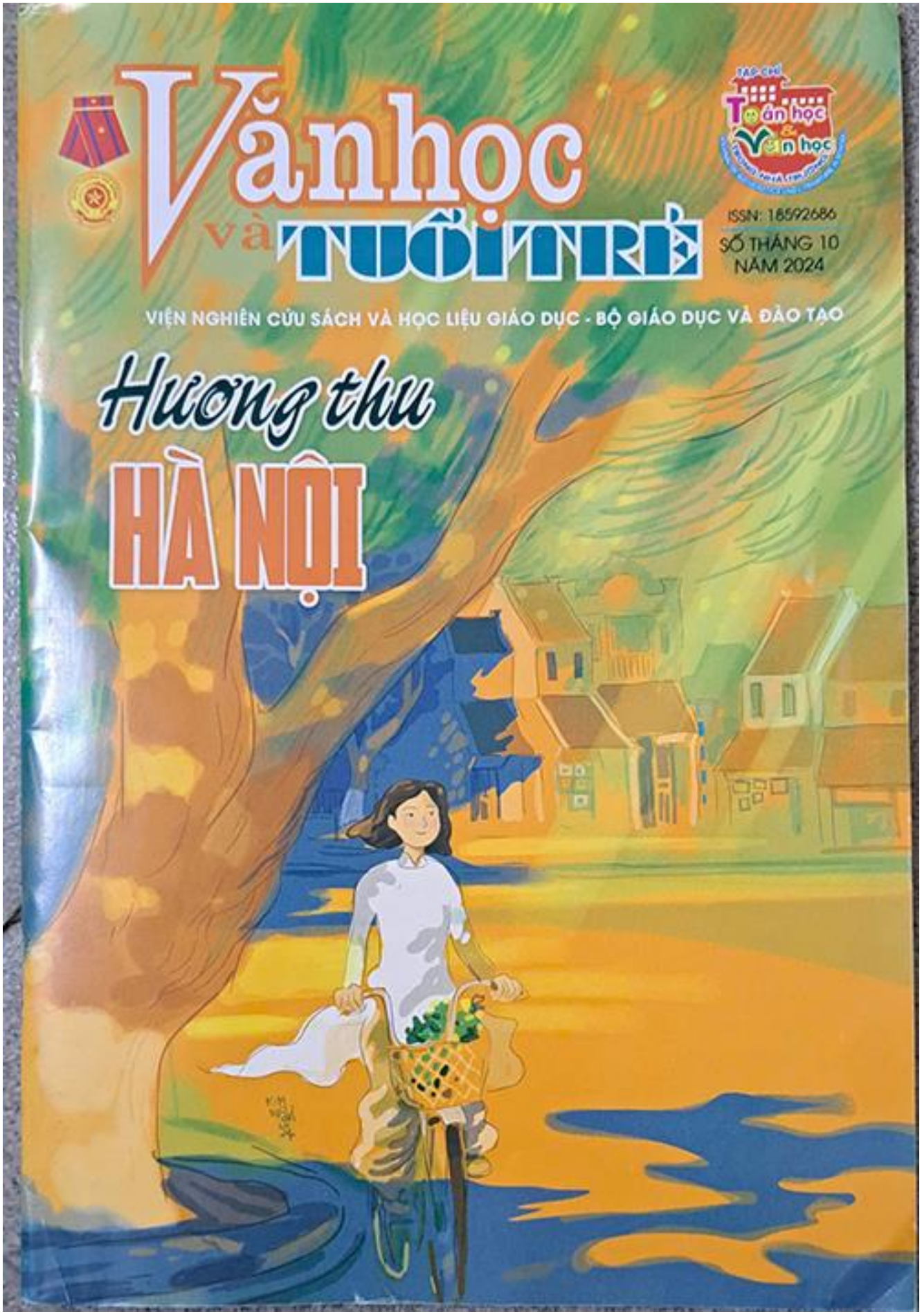
Văn học và Tuổi trẻ

TẠP CHÍ Toán học & Văn học
ISSN: 18592686
SỐ THÁNG 10
NĂM 2024

VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hương thu HÀ NỘI



TOÁN HỌC VÀ VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG
Journal of Mathematics and Literature in School
TẠP CHÍ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
Chủ tịch Hội đồng thành viên
kiêm Tổng Giám đốc NXBGDVN
NGUYỄN TIẾN THANH
Tổng biên tập NXBGDVN
PHẠM VĨNH THÁI
Viện trưởng Viện NC Sách & HLGD
PHAN XUÂN THÀNH

TỔ CHỨC BẢN THẢO VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
Phó Tổng biên tập NXBGDVN
PGS.TS. NGUYỄN VĂN TÙNG
Phó Tổng biên tập Tạp chí
TS. LÊ HỒNG MAI

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Nhà văn Tạ Duy Anh
GS. TS. Lê Huy Bắc
PGS. TS. Phan Huy Dũng
PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp
PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng
PGS.TS. Lê Quang Hưng
Nhà thơ Trần Đăng Khoa
PGS. TS. Trịnh Thị Lan
GS. Nguyễn Khắc Phi
GS. TS. Trần Đình Sử
ThS. Trần Tiến Thành
PGS. TS. Nguyễn Thành Thi
Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều
Nhà báo Thân Thị Phương Thu

TỔNG BIÊN TẬP
TS. Trần Hữu Nam

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. Lê Hồng Mai
Trần Thị Kim Cương

THƯ KÍ TOÀ SOẠN
Hồ Quang Vinh

BIÊN TẬP
Nguyễn Thị Lan
Nguyễn Hồng Nhung

BÌA – MINH HOẠ
Kim Duẩn

PHÁT HÀNH
Trần Minh Hiển (Trưởng phòng)

HÀNH CHÍNH – TỔNG HỢP
Hoàng Kim Phượng (Trưởng phòng)

TOÀ SOẠN
187B Giảng Võ, P. Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại – Email
* Biên tập: 0243.5122847
vanhocvatuoitre2020@gmail.com
* Phát hành: 0243.5142649
phathanhvantre@gmail.com
* Hành chính: 0243.5121606

8 (V)
GD – 24

534/GP – BTTTT Mã số: **BV14M24**

GPXB số 534/GP - BTTTT ngày 19/11/2020.
In tại Xí nghiệp Bản đồ I – Bộ Quốc phòng
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2024.

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn sinh ngày 09/08/1943 tại Từ Liên, Q. Tây Hồ, Hà Nội. Bà bắt đầu sáng tác từ những năm 1960 và nhanh chóng được công nhận với bài thơ *Hương thầm* – tác phẩm đạt giải Nhì cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* năm 1969. Ngoài thơ, bà còn viết báo, truyện ngắn và truyện cho thiếu nhi. Phan Thị Thanh Nhàn là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và từng giữ vai trò Uỷ viên Ban chấp hành hội (2001 – 2005). Bà được trao Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.

Những tác phẩm tiêu biểu của bà được đưa vào sách giáo khoa và gắn bó với kí ức của nhiều thế hệ học sinh như: *Làm anh* (*Tiếng Việt 1*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), *Chị Võ Thị Sáu* (*Tập đọc lớp 1*, trước Chương trình 2006), *Đố đạc trong nhà* (*Tiếng Việt 2*, bộ *Chân trời sáng tạo*), *Nàng tiên ốc* (*Tiếng Việt 4*, bộ *Chân trời sáng tạo*), *Hương thầm*,...



Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn: "Tình cảm anh em rất đáng quý trọng"

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn luôn nhận mình là "bà già" nhưng đối với tất cả những người gặp bà, đều thấy vui với tâm hồn trẻ trung, vui vẻ, lạc quan yêu đời của bà. Ngôi nhà chung cư ở gần Hồ Tây lộng gió rất hợp với tâm hồn mơ mộng của nhà thơ. Sau nhiều lần chuyển nhà, giờ đây bà đã tìm cho mình một chốn nương tựa "an cư", để có thể "lạc nghiệp" với thơ ca, với Facebook, với những cuộc gặp gỡ bạn bè. Với nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn, mỗi ngày sống đều là một ngày vui và có ý nghĩa...

***

1. Thưa nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn, có lẽ nhiều thế hệ học sinh trong suốt những thập kỉ qua vẫn nhớ và thuộc lòng bài thơ *Làm anh* của bà. Duyên bài thơ đó đã đến với bà như thế nào?

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn: Bố tôi mất sớm, mẹ tôi một mình phải nuôi bảy anh chị em tôi khôn lớn trong thời buổi gian khó. Nhưng thật may mắn là tất cả các anh chị em chúng tôi đều ngoan ngoãn và biết giúp mẹ việc nhà. Năm nào mẹ tôi cũng làm một chum tương, muối một vại dưa, và đương nhiên, trong nhà lúc nào cũng có một chum gạo để các con không bị đói. Mẹ luôn dặn rằng, nếu đói thì cứ nấu cơm ăn với tương và dưa, chờ mẹ về rồi mẹ sẽ mua thức ăn. Mẹ

tuyệt đối cấm chúng tôi sang hàng xóm "ăn chực". Đấy, tôi vẫn nhớ những lời mẹ dặn từ ngày còn nhỏ, và anh chị em chúng tôi luôn yêu thương, đùm bọc nhau, dù cuộc sống có khó khăn thế nào. Tình cảm ấy đến bây giờ vẫn không thay đổi.

Riêng tôi, mỗi khi ốm thì anh chị em, các cháu trong nhà đều đến thăm nom, chăm sóc rất chu đáo. Ngày bé, do bố mất sớm, mẹ phải ra chợ buôn bán kiếm tiền, nên chúng tôi tự chăm sóc nhau, đứa lớn chăm đứa bé. Trong nhà có cô em gái út, trên là hai anh, vì tuổi xấp xỉ nhau, chúng tôi hay trêu đùa khiến em gái khóc nhè... Dù chỉ là vui thôi, nhưng tuổi thơ mà, có lúc cũng phải bảo các anh gương mẫu để chăm sóc em.

Hồi đó, khi nhớ lại những kỉ niệm của anh chị em trong gia đình, tôi đã viết bài thơ *Làm anh*. Bài thơ đầu tiên in báo, sau đó in trong sách và cách đây hơn 10 năm thì được đưa vào sách giáo khoa. Đây là một bài thơ giản dị, dễ hiểu và nó như một lời tâm tình tôi gửi gắm đến các em nhỏ từ câu chuyện về các anh chị em trong gia đình mình. Tôi rất vui mừng khi đến bất cứ trường học nào, cũng nghe các em nhỏ đọc bài thơ *Làm anh* và còn được phổ nhạc nữa. Điều này thực sự hạnh phúc đối với một người viết.

2. Ngoài *Làm anh*, nhà thơ còn có nhiều tác phẩm quen thuộc với các thế hệ học sinh, trong đó *Hương thầm* – bài thơ đạt giải Nhì cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* năm 1969 và đã được phổ nhạc, phải không ạ?

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn: Nhiều người vẫn nghĩ rằng, bài thơ này được tôi làm tặng cho một chàng trai nào đó, nhưng thực ra, đây là bài thơ tôi viết tặng người em trai đi bộ đội (năm 1969). Một năm sau, bài thơ được giải Nhì cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ*. Năm 1974, em trai của tôi hi sinh, tôi cũng không rõ liệu người em ấy đã từng đọc bài thơ này hay chưa, vì trong hoàn cảnh chiến tranh, thông tin liên lạc vô cùng khó khăn. Chính vì thế, mới đây, người em trai kế đã khắc bài thơ lên đá và đặt ở nghĩa trang liệt sĩ A Lưới, nơi em trai tôi nằm lại. Mẹ tôi khi còn sống vẫn thường nhắc nhở anh chị em chúng tôi rằng, cậu ấy là người đã gánh hết mọi khó khăn vất vả của gia đình. Tôi thương, nhớ cậu ấy vì trước ngày hi sinh chưa yêu, chưa lập gia đình. Vì thế, tôi đã viết bài thơ *Hương thầm* sau ngày em trai đi bộ đội, *"cửa sổ"* hay *"hương bưởi"* là một cái cớ để bày tỏ sự yêu quý của tôi với em trai mình. Bài thơ là những cảm xúc rất thật về gia đình mình, nhưng vào những năm tháng chiến tranh ấy, nó lại mang hơi thở của cuộc sống. Tôi viết bài thơ một cách rất tự nhiên với những cảm

xúc riêng của mình, và không nghĩ rằng bài thơ lại thành công, để lại dấu ấn đậm nét như thế.

3. Với bà, tình yêu thơ ca bắt nguồn từ ai và ai đã ảnh hưởng đến bà để tạo ra những câu thơ ghi dấu ấn trong đời sống văn học Việt Nam như vậy.

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn: Tôi rất may mắn vì được sinh ra trong một gia đình say mê sách. Chị cả của tôi có một cái nhóm đặt tên là "Tuổi hồng", với sáu, bảy anh chị học cùng lớp, chủ nhật nào cũng tụ tập ở nhà tôi và đọc thơ cho nhau nghe. Tôi nhớ có anh Lê Ngọc Quế, anh Bình, anh Phương, chị Vân, chị Thuỷ và chị Chi. Tôi hồi đó còn nhỏ, cứ ngồi sau lưng chị Thuỷ và nghe các anh chị đọc thơ mà ngấm dần tình yêu văn chương. Hồi ấy, anh Quế hay đọc thơ vui, ví dụ anh đọc cho chị Vân thì toàn một bài vần "V", cho chị Chi thì toàn một bài vần "C", anh viết: *"Cô Chi câu cá cạnh cầu/ Chăm chăm chờ cá cắn câu cong cần/ Cô chờ chờ chán cả chân/ Cá con cũng chẳng cắn cần cô Chi/ Cành cây có chú chích choè/ Co chân cong cổ cô Chi cứ chờ"*. Không khí văn chương hồi đó vui vậy đó, nó đã gieo vào lòng tôi những mộng ước văn chương. Ngoài ra, bố tôi cũng thích đọc sách như *Tam quốc chí, Thuỷ hử, Không gia đình* hoặc là nhiều cuốn sách của nước ngoài được dịch ra tiếng Việt, tôi thường đọc ké của bố nên cũng ngấm dần tình yêu sách. Cạnh nhà tôi có bà bán xôi và cho thuê sách, khi nào bố mẹ cho tiền ăn sáng thì tôi thường nhịn ăn để lấy tiền đó thuê sách về đọc... Tất cả những "ngọn lửa" nhỏ đó đã nhen nhóm thành một ngọn lửa văn chương, cho đến bây giờ tôi vẫn luôn cảm thấy nếu không có văn chương, thơ ca thì tôi thật sự sẽ không biết thế nào nữa...

4. Trong cuộc đời mỗi nhà thơ, có những câu chuyện vui buồn trở thành điểm tựa để nuôi dưỡng cảm xúc. Bà có thể chia sẻ vài kỉ niệm mà bà vẫn lưu giữ?

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn: Tôi có một tình yêu đẹp với chồng tôi, nhà thơ Thi Nhị, một người đàn ông yêu thương, tôn trọng và chiều chuộng tôi. Tôi đã nghĩ rằng, chúng tôi sẽ cùng nhau đi đến cuối cuộc đời, nhưng ông đã ra đi, để lại tôi và cô con gái nhỏ mới 5 tuổi, khi tôi mới 36 tuổi. Ông đột ngột ra đi vào đúng lúc tôi vừa cùng bè bạn vào miền Nam dự trại sáng tác (năm 1976). Hồi ấy, đường sá xa xôi, tàu chậm, không có điện thoại hay email, nên khi tôi trở về thì ông đã yên nghỉ, như muốn tránh mặt để vợ không buồn... Đó là một buổi tối tăm tối, trời đất như đổ sụp khi tôi ngồi bên mộ chồng giữa nghĩa trang trống vắng mà khóc cho nỗi cô quạnh phủ cả bờ vai trong đêm lạnh. Đó là những ngày tháng khủng khiếp, tưởng chừng khó có thể vượt qua

trong cuộc đời tôi. Tôi đã khuỵu ngã, rồi vịn vào câu thơ mà đứng dậy: *"Căn phòng vắng một người/ Bỗng trở nên trống vắng/ Không còn gì ấm cúng/ Không còn gì vui tươi/ Bữa ăn vắng một người/ Tìm đâu ra mùi vị/ Khói cơm cay mắt thế/ Bây giờ em mới hay/ Hun hút hai hàng cây/ Gió thổi dài ngơ ngác/ Thành phố vắng một người/ Đường không ai dạo chơi/ Một người mang đi hết/ Bao nhiêu là thông minh/ Chẳng còn ai hóm hỉnh/ Ai cũng đều nhạt tênh/ Tấm ván nằm chông chênh/ Sao rơi như nước mắt/ Lòng em nghiêng về anh/ Để tháng ngày vắng ngắt/ Đi dọc dài đất nước/ Không còn ai đón đưa/ Không còn ai chờ đợi/ Không ai mà viết thư/ Dẫu bao nhiêu bài thơ/ Chỉ mình em đau xót/ Một mình như Trái Đất/ Em bây giờ không anh..."*.

Đã mấy chục năm trôi qua, tôi ở vậy nuôi cô gái ăn học nên người. Vừa làm mẹ, vừa làm cha, vừa viết văn làm báo... Đôi khi, một mình cũng tủi thân, nhưng rồi có thơ ca và bạn bè bên cạnh nên nỗi buồn cũng nguôi ngoai. Tôi luôn tâm niệm rằng, được sống đã là một niềm vui rồi và cuộc đời có rất nhiều kỉ niệm đẹp để cho mình được trân trọng. Tôi sống rất nhẹ nhàng, chấp nhận những gì trời cho và luôn nhớ tới niềm vui cùng những kỉ niệm đẹp để tiếp tục sống trong cuộc đời...

5. Bà gắn bó với Hội Nhà văn Hà Nội, đặc biệt là với đàn anh – nhà văn Tô Hoài. Bà có những kỉ niệm nào tâm đắc về nhà văn Tô Hoài, một cây đại thụ của văn học thiếu nhi?

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn: Tôi nhớ năm 1985, khi tôi về công tác tại Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội và báo *Người Hà Nội* cùng với nhà văn Tô Hoài. Hồi đó gần Tết, khi tôi đang chuẩn bị cho buổi liên hoan ở cơ quan, tôi nhận được điện thoại từ đàn anh Tô Hoài, mời tôi sang Hội Nhà văn, lúc đó ở 65 phố Nguyễn Du, vì bác đang trực ở đó. Tôi bỏ buổi liên hoan, rẽ qua quầy hoa ở góc phố Đinh Tiên Hoàng, chọn mua một bông hồng thật đẹp để tặng nhà văn. Khi đến, tôi thấy Tô Hoài đang ngồi một mình, than: "Tết nhất, mà lại trực thế này, cô bảo có khổ không? Thế nào, cô đã chuẩn bị gì cho Tết chưa?". Tôi vẫn cầm bông hồng trên tay, đành đặt xuống bàn, cười hỏi lại: "Thế anh đã chuẩn bị gì chưa ạ? Em không hỏi chuyện ở nhà đâu, vì có chị và các cháu lo rồi, em chỉ hỏi chuyện mẹ anh và chuyện... đi chơi Tết thôi". Thế rồi nhà văn cười: "Đúng là tôi chẳng biết gì việc nhà. Bà ấy và các cháu chăm lo hết mọi thứ, chỉ có điều là bà cụ nhà tôi dạo này không khoẻ, nên tôi cũng chẳng dám đi đâu xa cô ạ!". Tôi tâm sự cùng ông: "Em từ dạo đi lấy chồng, mới thật sự biết thương mẹ. Nhưng mẹ em còn nhanh nhẹn và chăm em hơn là em chăm mẹ anh ạ. Em cứ về thăm là mẹ tìm trong nhà, có cái gì ăn ngon là bắt em

ăn ngay". Thế rồi anh bảo: "Rồi cũng đến lúc cô giống tôi, lúc nào cũng thấp thỏm chẳng biết mẹ còn ở với mình được mấy ngày nữa...". Chúng tôi ngồi chuyện trò linh tinh, rồi rủ nhau đi sang công viên Thống Nhất xem hoa đào, nhà văn thấy tôi cầm bông hoa (mà lúc đó tôi định đưa tặng), thì cười: "Hoa hồng chóng tàn lắm, cô biết không?". Thế là tôi không dám tặng Tô Hoài nữa, mà lúc đi qua cổng, tôi đưa cho một cháu gái đi ngang qua. Cháu cứ ngơ ngác rồi cười rất tươi để cảm ơn. Hôm đó về, tôi viết bài thơ *Bông hồng không tặng*. Bài thơ nay đã đăng báo nhiều lần, nhưng tôi chưa bao giờ nói với nhà văn là tôi làm tặng: *"Hẹn gặp anh trước Tết/ Mang theo một đoá hồng/ Bao nhiêu lời chúc đẹp/ Định nhờ hoa nói giùm/ Chuyện trò bâng quơ mãi/ Mẹ già thêm tuổi trời/ Những hàng cây Hà Nội/ Việc đang làm nay mai.../ Biết đời anh từng trải/ Công với việc ngập đầu/ Vẫn tấm lòng ưu ái/ Đôi mắt nhìn xa sâu/ Tay cầm hoa bỗng ngượng/ Ý nghĩ mình trẻ con/ Anh sẽ cười nếu tặng/ Hoa hồng nhung chóng tàn/ Đem hoa về thôi nhé/ Đoá hồng vô duyên ơi/ Hoa đâu còn ý nghĩa/ Khi ở bên một người..."*.

6 Thật là những kỉ niệm thú vị ạ. Nhân đây, xin nhà thơ chia sẻ một sáng tác mới của mình đến bạn đọc *Văn học và Tuổi trẻ*.

Nhà thơ Phan Thi Thanh Nhàn: Nhân dịp 20/10 sắp tới, xin gửi đến bạn đọc VH&TT bài thơ mà tôi cũng mới sáng tác:

DẶN CON

Con ơi!
Con sẽ gặp trên đường nhiều người ăn xin
Con sẽ thấy trên đường nhiều người khốn khó
Mẹ con mình không hề giàu có
Nhưng cũng là đủ ăn

Con hãy theo thứ tự ưu tiên
Trước hết là những người ruột thịt
Hãy từ thiện ngay trong gia đình
Cố gắng góp chút gì sao để không còn ai đói rét

Với người qua đường, con ơi, chút ít
Con hãy sẻ chia lòng thảo thơm
Mai đây khi mẹ không còn
Con chỉ gặp những tấm lòng thơm thảo.

Xin cảm ơn nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn về cuộc trò chuyện hôm nay và bài thơ vô cùng ý nghĩa này.

Trần Hoàng Thiên Kim thực hiện



Hà Nội tháng 10 không chỉ mang vẻ đẹp quyến rũ của mùa thu, mà còn là thời khắc đánh dấu một sự kiện lịch sử trọng đại: Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10. Ngày này, cách đây nhiều năm, nhân dân Hà Nội đã đón nhận tự do, mở ra một trang sử mới cho thành phố. Những con phố cổ kính, bóng cây rợp mát và hương hoa sữa ngào ngạt làm bừng lên niềm tự hào về quê hương.

Hoà trong không khí ấy, *Đi trên đường Hà Nội* của Đỗ Chu (tác phẩm gợi ý đưa vào Chương trình GDPT 2018 – môn Ngữ văn) hiện lên như một bản giao hưởng của những cảm xúc về Hà Nội. Trên VH&TT số này, hãy cùng tìm hiểu tác phẩm qua bài viết dưới đây nhé...

HÀ NỘI một trái tim hồng....

Nhà văn **Bùi Việt Thắng**

Tổ khúc nghệ thuật về Thủ đô Hà Nội

"Ta đi trên đường Hà Nội rực rỡ chiến công/ Đường thênh thang Ba Đình lịch sử/ Đường tấp nập Hoàn Kiếm, Đồng Xuân/ Nghe náo nức trong lòng/ Thủ đô ta sục sôi đánh Mỹ". Những ca từ trong ca khúc *Bài ca Hà Nội* (1967) của nhạc sĩ Vũ Thanh vang lên hào sảng và tha thiết trên làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam và Hà Nội những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước. Bộ phim *Hà Nội – Mùa đông năm 46* (biên kịch và đạo diễn – NSND Đặng Nhật Minh, 1997), ca khúc *Người Hà Nội* (1947) của nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi, *Sống mãi với Thủ đô* (tiểu thuyết, 1961) và *Luỹ hoa* (truyện phim, 1960) của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi* (kí, 1972) của nhà văn Nguyễn Tuân,... tạo nên tổ khúc nghệ thuật về Hà Nội mười ngàn ngày kháng chiến (1945 – 1975). Câu *"Thăng Long phi chiến địa"* dường như không hoàn toàn sát thực với lịch sử và nghệ thuật Việt Nam khi có một *Điện Biên Phủ trên không* vào mùa hè rực lửa năm 1972 như một dấu ấn của hào khí Đông A – Đại Việt trong thời đại Hồ Chí Minh. Nay, bộ sưu tập quý lại được bổ sung thêm tuỳ bút *Đi trên đường Hà Nội* (2013) của nhà văn Đỗ Chu.



Chim hoạ mi và súng đại bác – hay là một thiên tình sử thời chiến tranh

Người phương Tây có một câu nói đầu cửa miệng "Khi đại bác nổ thì hoạ mi ngừng hót", hàm ý khi chiến tranh nổ ra, khi đạn bom giáng xuống đầu người thì không có sự sống, nghệ thuật và tình yêu. Hoàn toàn không đúng, ít nhất ở Việt Nam mấy chục năm qua có hai cuộc kháng chiến trường kì, đánh bại hai đế quốc lớn của thế kỉ XX là Pháp và Mỹ. Trong bài thơ *Tâm sự* (1966) nhà thơ Tố Hữu viết: *"– Bạn hỏi vì sao đất nước này/ Ngày đêm khói lửa vẫn hăng say/ Tóc tang lòng vẫn không cay đắng/ Gánh nặng đường xa chẳng chuyển lay?/ Có lẽ nghìn năm đã dạn dày/ Anh hùng xưa để giống hôm nay/ Khổ đau nhiều mối yêu thương lắm/ Quen vượt trùng dương lái vững tay"*. Có thể mọi so sánh đều khập khiễng. Nhưng tôi muốn lấy cái cấu tứ của bài thơ *Tâm sự* để "gán" cho thiên tuỳ bút *Đi trên đường Hà Nội* của nhà văn Đỗ Chu, vì như người Ý nói "Mọi nẻo đường đều dẫn đến Rome". Thiên tình sử giữa Hoàng và cô gái không phải là xưa nay hiếm, nếu không nói là motif chủ đề và cốt truyện khá phổ biến trong dòng văn học về chiến tranh và người lính, như cách nhà văn Dương Hướng đã viết trong tiểu thuyết nổi tiếng *Bến không chồng* (cưới nhau trước ngày chàng trai ra trận). Trong tuỳ bút của nhà văn Đỗ Chu, có nhân vật Hoàng – một chiến sĩ Vệ quốc quân đẹp đẽ và dũng mãnh, chẳng khác nào một con đại bàng yêu bầu trời bao la và sẵn sàng đối đầu với những nguy hiểm chờ đón; nàng (không tên, như một chủ ý của nhà văn, biến nàng thành *Vọng phu*). Tình yêu nam nữ, vợ chồng của họ chỉ rực cháy, tính bằng giờ trước lúc chàng hi sinh khi đối mặt với quân thù, ngay trong ngôi nhà thân yêu của mình, giữa lòng Hà Nội. Họ chỉ làm vợ làm chồng trong thời gian ngắn, tình cảm thăng hoa như sao băng rồi lịm tắt vì hòn tên mũi đạn của kẻ thù. Chiến trận, cái chết như lưỡi dao cắt lìa số phận của đôi uyên ương. Nỗi đau là có thật. Nỗi buồn là có thật. Nhưng là nỗi buồn đẹp có tác dụng thanh lọc tâm hồn con người, có sức mạnh nâng đỡ con người đứng dậy, vượt qua đau khổ. Nhưng xét cho

cùng, *nỗi đau khổ này không của riêng ai* (như tên một tác phẩm của nhà thơ Nga tài danh K. Simonov), khi trên trái đất này vẫn còn chiến tranh, bởi vì mẫu người không phải là nước lã, bởi vì con người ta sinh ra vốn không phải đã là lính. Hoàng lớn lên tự nhiên và đang theo học Trường Y Hà Nội, nếu không có chiến tranh thì anh sẽ trở thành một bác sĩ giỏi, người ta tin là thế, bởi *hổ phụ sinh hổ tử*, cha anh (bác sĩ Nguyễn Văn Luyện) là một thầy thuốc từ tâm, danh tiếng ở Hà Nội. Nhân vật Hoàng vì thế "tải" (chuyên chở) nhiều vấn đề của đời sống. Sau khi chồng hi sinh, người vợ sống một cuộc đời gấp đôi cho cả phần của người chồng đã hi sinh vì nước, vì dân, vì hoà bình của dân tộc. Đó là sự sống nảy sinh từ cái chết, hay nói cách khác, cái chết gieo mầm sự sống. Nó tạo nên kí ức lương thiện cho nhiều thế hệ, để chống lại sự lãng quên của lịch sử và con người. Phải chăng, đó là sứ mệnh chân chính của nhà văn khi đặt bút sáng tác? Chi tiết bức ảnh chụp ngẫu nhiên của người thợ ảnh tài hoa có ý nghĩa tượng trưng, vì khi ta nhìn vào người khác (như một tấm gương lớn và sáng trong) thì ta sẽ tự khắc soi rõ mình hơn. Người vợ cứ theo năm tháng, mà cầu nguyện cho linh hồn bất tử của người chồng và cứ noi theo anh, học anh mỗi ngày. Đây là cách viết theo phép "tảng băng chìm", với một cây bút thành thạo như Đỗ Chu, điều này không phải là dễ đến mức như trở bàn tay, nhưng cũng không quá khó để "gài" được các chi tiết tình hấp dẫn, ghi dấu trong văn chương hiện đại Việt Nam về đề tài chiến tranh, vào kí ức bạn đọc, như đợt sóng ngầm bỗng có lúc biến thành sóng lừng, không ai đoán định được.

Văn là người

Từ lâu, người đọc và giới phê bình vẫn thừa nhận văn Đỗ Chu đẹp, từng ánh lên trong các thiên truyện nổi tiếng *Hương cỏ mật*, *Phù sa*, *Mùa cá bột*,... Nhưng phải nói thêm, cái đẹp của văn Đỗ Chu có cái đặc sắc lấp lánh trí tuệ và ngọt lành vị đời. Và câu văn *"Ngày mai, lại ngồi bên đường tung thóc gọi chim về..."*, có phẩm tính "ý tại ngôn ngoại" của thơ, hiểu là chữ ít nhưng dư thừa nghĩa. Nếu có ngày mai, đồng nghĩa có ngày hôm qua – là một quãng thời gian khó khăn nhất với người thiếu nữ Hà thành, thoắt cái trở thành goá phụ. Có thể, thời gian sẽ giúp chị thuần hoá được nỗi đau, nhưng bên cạnh chị không thể không có người hay vật, sự vật làm bạn, nên chị đã chọn một loài chim. Hẳn đó là chim bồ câu, như một dụng ý của tác giả, vì nó biểu trưng cho hoà bình, bình yên, hạnh phúc. Bởi lẽ, chỉ có loài chim này, mới đủ dạn dĩ sà xuống làm quen với con người khi có người tung thóc thì, mà không thể là chim sâu, chim ri hay bất cứ loài chim nào. Thiên

tuỳ bút *Đi trên đường Hà Nội* của nhà văn Đỗ Chu đã *neo chữ* trong kí ức người đọc về ý nghĩa của sự sống và cái chết, như một vấn đề nhân sinh muôn thuở của kiếp người trên cõi trần gian này. Đằng sau mỗi câu chữ, vừa là niềm tự hào, vừa là nỗi đau thương về những can qua bể dâu mà mỗi con người bình thường đã vượt qua trong chiến tranh, sau những hi sinh mất mát.

Văn Đỗ Chu thường có cao trào rơi vào, hay gắn với những đoạn kết, cả trong truyện ngắn lẫn tuỳ bút. Đó là cách viết của những cây bút biết duy trì cảm xúc đúng lúc, đúng chỗ, nhưng không trở nên bằng lặng, lúc cần thiết, họ không ngần ngại đẩy nó lên cực đỉnh, viết như lên đồng:

Đi trên đường Hà Nội hôm nay một ngày là một ngày được lặng lẽ đồng hành với những năm tháng xa xăm tràn ngập tinh thần thuần Việt. Nhận ra điều đó ta chỉ còn biết nghẹn ngào thầm nói một lời tạ ơn, tự nhủ mình phải cố gắng làm sao cho xứng đáng với người đã khuất và để không phải hổ thẹn với con cháu. (...). Và tôi càng thêm thương yêu một Hà Nội lấm láp, càng thêm tin một Hà Nội điềm nhiên, mỗi ngày tôi tìm trong từng bước đi của nó một danh dự đất nước. Mất gì cũng là mất nhưng đến mất danh dự mới là mất hết.

Sớm xuân. Một nhành mai ngày mới.

Tuỳ bút là tác phẩm trữ tình có yếu tố tự sự, nên dễ nhận ra rằng: nhà văn thường nương dựa, tựa vào, lấy làm đà viết từ/qua một câu chuyện có thể kể lại cho người khác nghe và nhớ, đồng thời lồng ghép cảm xúc khi viết tự do "tuỳ theo bút", theo cách diễn đạt vui vui của nhà văn Nguyễn Tuân: "Tuỳ bút là viết tuỳ theo bút". Có một nhận xét không phải không thuyết phục, rằng truyện ngắn Đỗ Chu thì như tuỳ bút và ngược lại, tuỳ bút thì như truyện ngắn. Thiên tuỳ bút *Đi trên đường Hà Nội* là một ví dụ điển hình. Những văn hữu gần gũi với Đỗ Chu nhận xét về "ông nhà văn này" là khó tính nhưng mà dễ dãi, nghĩa là cẩn trọng mà xởi lởi, nói nhiều nhưng lại trầm tư, thông minh trí lực nhưng bề ngoài đôi khi có vẻ vụng về và "ngu ngơ", bặt thiệp và kinh lịch nhưng lại rất "mộc" về hình hài, hình thức. Nghĩa là "phiên bản Đỗ Chu" cũng thú vị như văn của ông. Vì thế, nói "Văn là người" là chính xác nhất với nhà văn quê xứ Kinh Bắc, phát tài phát lộc ở Kinh đô ngàn năm văn hiến./.

Đọc tác phẩm ***Đi trên đường Hà Nội*** quét mã QR ➢



Bài thơ *Gặp lá cơm nếp* (*Ngữ văn 7*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*) của Thanh Thảo, trích trong tập *Dấu chân qua trảng cỏ*, mang đậm dấu ấn của thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Thông qua hình tượng giản dị nhưng đầy sức gợi của lá cơm nếp, Thanh Thảo khắc hoạ hình ảnh người lính trẻ giữa chiến trường Trường Sơn rộng lớn, đồng thời tái hiện những rung động sâu sắc về tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước.

Trên VH&TT số này, hãy cùng đọc bài thơ *Gặp lá cơm nếp* của tác giả Thanh Thảo từ góc nhìn thể loại...

Đọc "Gặp lá cơm nếp" từ góc nhìn thể loại

ThS. Hoàng Thị Kiều Anh
GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Thanh Thảo là "thế hệ thứ ba" thuộc đội ngũ những nhà văn trẻ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước, bởi vậy, *"một quan tâm xuyên suốt, một ý tứ chủ đạo, một điểm "ngời sáng" trong thơ anh: ấy là cố gắng phác hoạ chân dung tinh thần của những người trẻ tuổi – người lính – cùng thế hệ anh"* (nhận định của nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân) [1]. Bài thơ *Gặp lá cơm nếp* (trích trong tập thơ *Dấu chân qua trảng cỏ*) được Thanh Thảo sáng tác năm 1971 đã khắc hoạ sâu sắc hình tượng người lính với những rung động tình cảm tinh tế cùng nỗi nhớ thương gia đình hoà quyện với tình yêu quê hương đất nước.

Điểm thú vị đầu tiên có thể nhận ra chính là từ nhan đề bài thơ. *"Lá cơm nếp"*, cụm danh từ, chỉ lá của cây cơm nếp (người miền Nam gọi là lá dứa) – một loại cây nhỏ, thường mọc hoang, với mùi thơm rất giống với mùi cơm nếp. Thế nhưng, thay vì sử dụng tên của loài cây này để đặt nhan đề cho bài thơ, tác giả lại sử dụng cụm động từ *"gặp lá cơm nếp"*. "Gặp" là một hành động bất ngờ, không biết trước, và vì vậy nhan đề này đã gợi lên sự tò mò của người đọc. Không chỉ vậy, điều thú vị là nhan đề bài thơ dường như đóng vai trò chỉ dẫn, giúp bạn đọc lấy đó làm cơ sở để giải mã mạch cảm xúc của toàn bộ tác phẩm. Trong bài thơ, không có một lần nào xuất hiện tên gọi cụ thể của lá cơm nếp/cây cơm nếp (mãi đến cuối bài thơ, ta mới thấy hình ảnh *"cây nhỏ"* như một cách gọi thân thương của nhân vật trữ tình dành cho cây cơm nếp). Bởi vậy, nhan đề *"Gặp lá cơm nếp"* giúp cho bạn đọc hình dung được tình huống cụ thể đã gợi lên cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình trong

toàn bộ bài thơ. Một đặc điểm của thể thơ năm chữ là dung lượng dòng thơ ngắn và cô đọng, việc nhà thơ chỉ nhắc đến tình huống *"gặp lá cơm nếp"* ở nhan đề mà không lặp lại trong các câu thơ có thể là cách thức hiệu quả để tạo điểm nhấn. Nếu bỏ qua nhan đề này, có lẽ các khổ thơ sẽ trở nên rời rạc và khó kết nối với nhau để tạo nên một mạch thơ hoàn chỉnh và hiệu quả. Vì vậy, có thể xem nhan đề này như một phần trong kết cấu của toàn bài thơ.

Với quan điểm này, có thể khái quát bố cục của bài thơ thành ba phần chính: hiện tại (nhan đề & câu thơ đầu tiên) – hồi ức và suy ngẫm (3 khổ đầu) – (trở lại) hiện tại (khổ thơ cuối). Ngữ cảnh của bài thơ đã khắc hoạ diện mạo nhân vật trữ tình là một người lính trẻ đã *"xa nhà mấy năm"*. Người lính tình cờ bắt gặp cây cơm nếp trên đường hành quân giữa rừng Trường Sơn đại ngàn, mùi hương của lá cơm nếp đã gợi lại kí ức của anh về bát xôi tuổi thơ và món cơm nếp mẹ thổi, từ đó dâng trào nỗi nhớ về người mẹ nơi hậu phương và rộng hơn cả là nỗi nhớ, tình yêu với quê hương, đất nước. Trở về hiện tại, nỗi nhớ ấy không làm cho người lính trở nên yếu đuối, uỷ mị mà trái lại, nó như tiếp thêm nguồn sức mạnh cho anh trên chặng đường hành quân gian khổ. Từ đây, người lính không còn cảm thấy cô đơn bởi trên con đường anh đi luôn có sự đồng hành của những cây cơm nếp nhỏ, hay chính là sự che chở và dõi theo của người mẹ, của quê hương xứ sở. Có thể thấy, kết cấu của bài thơ rất logic với sự chuyển biến trong tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Hồi ức của người lính bắt đầu từ sự xuất hiện của một món ăn cụ thể – *"bát xôi"* (khổ thơ thứ nhất), từ đó, gợi nhớ tới chủ thể của món ăn là *"mẹ"* (khổ thơ thứ hai) và rộng hơn thế nữa, là nỗi nhớ *"quê hương"* – nơi mang chứa những mùi vị tuổi thơ, nơi có mẹ già đang ngóng chờ (khổ thơ thứ ba). Kết cấu này giúp không gian suy tưởng của bài thơ có khả năng mở rộng đến vô tận...

Đồng thời, nhà thơ đã rất thành công khi sử dụng thể thơ năm chữ và ngôn ngữ thơ hiện đại để thể hiện mạch cảm xúc của bài thơ, làm nổi bật hình tượng người lính – người con với nỗi nhớ thương gia đình, quê hương. *"Thơ bốn chữ và thơ năm chữ gần gũi với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện; hình ảnh thơ thường dung dị, gần gũi"* [3; 39], chính vì vậy, trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*, việc tác giả sử dụng thể thơ năm chữ với nhịp thơ linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/3, kết hợp với vần chân ở một số câu thơ đã mang đến cho người đọc cảm giác gần gũi, như đang được nghe một câu chuyện kể, một lời tâm sự giản dị, chân thành từ người con xa nhà. Dù vậy, ngôn ngữ trong bài thơ không tập trung vào việc miêu tả cụ thể, chi tiết như văn xuôi

mà tập trung vào sức gợi, tính đa nghĩa và tính biểu cảm. Điển hình như câu thơ *"Ôi mùi vị quê hương"* gây ấn tượng mạnh với người đọc, bởi nhà thơ đã chủ ý ngắt nhịp 1/4, nhấn mạnh vào từ tình thái *"ôi"*, từ đó bộc lộ trực tiếp sự cao trào trong mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình. Trong đó, cụm từ *"mùi vị quê hương"* cũng là một kết hợp từ ngữ vô cùng thú vị, gợi nhiều suy tư, liên tưởng cho bạn đọc. Không chỉ vậy, những từ thuộc ngôn ngữ nói hàng ngày như từ *"ôi"*, cách nói dân dã *"thèm bát xôi mùa gặt"*, *"nhặt lá về đun bếp"*,... dường như đã khiến bài thơ tràn đầy hơi thở nồng nàn, mà bình dị của đời sống. Có thể thấy, ngôn ngữ trong thơ của Thanh Thảo cũng không nằm ngoài khuynh hướng chung của nền thơ hiện đại Việt Nam, đó là đưa ngôn ngữ thơ trở về gần với ngôn ngữ đời sống.

Bên cạnh những nét đặc sắc trong việc lựa chọn thể thơ và ngôn ngữ thơ, tác phẩm này còn mang dấu ấn của nhà thơ Thanh Thảo, cũng như đặc trưng sáng tác của thế hệ nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ trong việc sử dụng thành công phương thức chuyển nghĩa và sáng tạo hình ảnh thơ. *"Các nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ đã khai thác hiệu quả khả năng tương giao của các giác quan nhằm mở rộng ý nghĩa đặc trưng của sự vật, đổi mới cảm xúc thơ, tạo nên những hình ảnh bất ngờ trong mối liên hệ, liên tưởng, đem đến cho hình ảnh, hình tượng thơ một sắc thái mới, bổ sung một nét ý nghĩa mới cho ngôn ngữ thơ"* [2; 506]. Trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*, Thanh Thảo đã kết hợp rất sáng tạo yếu tố thị giác và khứu giác để kiến tạo nên không gian nghệ thuật của bài thơ. Không gian núi rừng Trường Sơn đại ngàn rộng lớn không chỉ được hiện diện qua sự đối lập với hình ảnh những cây cơm nếp nhỏ thấp thoáng, điểm xuyết vào bức tranh rừng núi hoang sơ *"Cây nhỏ rừng Trường Sơn"*, mà còn được gợi ra từ sự lan toả của mùi thơm lá cơm nếp – một thứ mùi hương trải khắp những cánh rừng, *"thơm suốt đường con"*, *"thơm mãi"*...

Tình cảm, cảm xúc trong thơ trữ tình vừa mang tính cá thể hoá vừa mang tính khái quát hoá. Bởi vậy, một trong những đặc điểm dễ thấy ở sáng tác của Thanh Thảo là nỗ lực hình tượng hoá những sự vật bình thường, giản dị trong trải nghiệm chiến trường rất riêng tư của người lính, trong đó có dấu ấn đậm nét của mùi vị. Mùi hương của lá cây cơm nếp đã trở thành một hình tượng nghệ thuật, nó là hiện thân của kí ức tươi đẹp của tuổi thơ, là bóng dáng người mẹ tảo tần nơi hậu phương, là hình ảnh thân thương và gắn bó của quê hương làng xóm. Nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân từng nhận định về tính cụ thể – khái quát trong thơ Thanh Thảo rằng: *"Có thể đoán rằng trong tâm niệm sáng tác của*

anh, đưa thật nhiều cái cụ thể vào thơ và thường xuyên nâng lên khái quát là hai nguyên tắc song phương thường trực chỉ đạo người viết" [1]. Soi chiếu vào bài thơ *Gặp lá cơm nếp*, đó không chỉ là câu chuyện riêng tư của một người lính – người con nhớ mẹ, nhớ quê, mà nỗi nhớ và tình cảm ấy đã được nâng lên sánh ngang với tình yêu Tổ quốc:

Mẹ già và đất nước
Chia đều nỗi nhớ thương

Có thể nói, việc xây dựng hình ảnh người mẹ sóng đôi với hình ảnh quê hương đất nước là một motif quen thuộc trong thơ văn Việt Nam hiện đại, đặc biệt là đối với nền văn học cách mạng. Điển hình như biểu tượng người mẹ – đất nước trong thơ Tố Hữu:

Con ra tiền tuyến xa xôi
Yêu bầm yêu nước, cả đôi mẹ hiền.
(*Bầm ơi!*)

Đặt cặp biểu tượng *"Mẹ già và đất nước"* trong mối quan hệ liên văn bản, có thể thấy hình ảnh người mẹ qua kí ức của người con luôn gắn bó mật thiết với tình yêu quê hương, đất nước, ngược lại, trong trái tim người lính thì hình ảnh đất nước được hiện diện thông qua hình bóng tần tảo và tha thiết thương yêu của người mẹ nơi hậu phương. Đó là những rung cảm trữ tình sâu sắc và chạm đến chiều sâu cảm xúc của các phạm trù lớn như người mẹ, nhân dân, Tổ quốc, quê hương, đất nước. Qua những dòng thơ tràn đầy cảm xúc, có thể khẳng định tình cảm gia đình và tình yêu quê hương chính là động lực cho những người lính tự nguyện hiến dâng tuổi thanh xuân để bảo vệ sự bình yên của đất nước và những người thân yêu.

Bài thơ được sáng tác năm 1971, khi cuộc chiến đã dần đi tới chặng đường cuối, bởi vậy, nhà thơ trẻ thuộc "thế hệ thứ ba" khoác áo lính bước vào chiến trường như Thanh Thảo đã tái hiện cuộc chiến với cái nhìn trầm tĩnh, suy tư và mang chứa những trải nghiệm riêng. Bài thơ vẫn mang âm hưởng của khuynh hướng sử thi (đặc trưng văn học thời kì kháng chiến 1945 – 1975), nhưng đồng thời cũng giàu chất suy tư và mang tinh thần tự ý thức thế hệ của tác giả – đó cũng chính là suy tư của cả một thế hệ *"dàn hàng gánh đất nước trên vai"* (thơ Bằng Việt).

Tài liệu tham khảo:

1. Lại Nguyên Ân (1980), *Dấu chân những người lính trẻ và thơ Thanh Thảo*, nguồn: *http://lainguyenan.free.fr*

2. Nguyễn Văn Long (Chủ biên, 2019), *Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Nhiều tác giả (2023), *Ngữ văn 7*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Thu vịnh
một bức tranh hàm ẩn nhiều ý nghĩa

PGS.TS. Nguyễn Văn Tùng



Thu vịnh là một trong ba bài thơ thu đặc sắc của nhà thơ Nguyễn Khuyến, nhưng cũng có thể nói, đây là một tác phẩm rất khó để cảm nhận cho thật chính xác đối với người đọc. Để hiểu cho tường tận chủ đề, tư tưởng, thông điệp của một bài thơ có hệ thống từ ngữ và hình ảnh mờ nhoè về cả nghĩa đen và nghĩa bóng là một điều không hề đơn giản. Và trên thực tế, nửa thế kỉ qua, một số câu thơ trong bài thơ này đã tồn tại rất nhiều cách hiểu khác nhau của một số nhà thơ, nhà nghiên cứu có tên tuổi như Xuân Diệu, Nguyễn Lộc,...

Yếu tố khơi gợi cảm hứng để thi nhân Tam Nguyên Yên Đổ viết bài thơ này chắc chắn là do mùa thu – một thời gian đặc biệt trong năm thường gợi hứng cho biết bao văn nhân kim cổ. Nhưng từ hình ảnh và câu chữ trong bài thơ, có thể nhận thấy nhà thơ làm bài thơ này không

phải để tả cảnh đẹp mùa thu hay là "vịnh" về mùa thu như nhan đề tác phẩm. Cái làm nên hạt nhân cốt lõi trong *Thu vịnh*, chính là những tâm sự thầm kín mà Nguyễn Khuyến đã kí thác qua từng dòng thơ.

Thoạt đọc, có thể thấy, bài thơ phác hoạ không gian mùa thu theo một trình tự, trước hết là cảnh vật được miêu tả từ xa *"Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao"*, gần hơn một chút *"Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu/ Nước biếc trông như tầng khói phủ"*, rồi gần hẳn *"Song thưa để mặc bóng trăng vào"*. Những "nét vẽ" này từ góc độ đường nét, màu sắc, ánh sáng không thấy có gì gây ấn tượng mạnh. Nói cách khác, nếu so sánh với những bức tranh mùa thu nổi tiếng của các hoạ sĩ trên thế giới, thì đây không phải là một bức tranh thu quyến rũ người xem. Không phải Nguyễn Khuyến không làm được những câu thơ tuyệt sắc về mùa thu, ông dư thừa tài năng làm việc đó. Có lẽ, phải có một điều gì đó rất đặc biệt ở đây?

Thật vậy, đọc kĩ và cảm nhận sâu sẽ nhận thấy, đây là một bức tranh có những dấu hiệu đặc biệt ẩn đằng sau những đường nét và màu sắc tưởng như rất bình thường ấy. Có thể nói, đó là những đường nét, màu sắc đầy sức ám ảnh và sức gợi với người đọc. Nếu để ý kĩ, có thể nhận thấy ánh sáng và màu sắc được thể hiện theo chiều hướng giảm dần, càng lúc màu sắc càng trở nên tối hơn và đường nét cảnh vật cũng dần trở nên mờ nhoè hơn.

Thời gian của bức tranh thu trong bài thơ cũng biến chuyển rất nhanh, từ ban ngày qua ban đêm. Điều đặc biệt hơn, bên cạnh thời gian hiện tại là thời gian quá khứ (mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái).

Từ không gian và thời gian của bức tranh mùa thu trong bài thơ, có thể nhận thấy dường như nhân vật trữ tình đang thu hẹp dần vũ trụ của mình. Nhân vật trữ tình đang tự chuyển dần trọng tâm chú ý từ ngoại cảnh vào nội tâm.

Từ tượng hình *"cần trúc lơ phơ"*, từ tả gió thu *"hắt hiu"* đến những hình ảnh so sánh *"nước biếc trông như tầng khói phủ"* cùng nhân hoá *"song thưa để mặc bóng trăng vào"* mà nhà thơ sử dụng ở đây, khiến cho không gian mùa thu trở nên ảm đạm hơn, tạo ấn tượng về sự buông bỏ, phó mặc.

Điều gì đã khiến cho bức tranh mùa thu của Nguyễn Khuyến thấm đẫm tâm trạng đó? Từ hai câu thơ cuối của bài thơ, người đọc đã có thể giải mã được nguồn cơn của nỗi buồn đó:

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

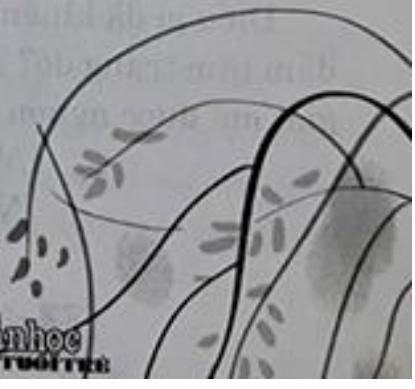
Câu kết bài thơ nhắc đến chuyện Đào Tiềm – một nhà thơ Trung Hoa – từng nổi tiếng bởi việc không chịu khom lưng luồn cúi vì địa vị danh vọng đã trả ấn từ quan với tâm sự được chia sẻ trong bài thơ nổi tiếng của ông *Quy khứ lai từ*. Điển tích đó chính là chìa khoá để người đọc hiểu được nguồn cơn nỗi niềm ưu tư của Nguyễn Khuyến trong bài thơ *Thu vịnh*. Tâm trạng của Nguyễn Khuyến chắc chắn có những đồng điệu với Đào Tiềm. Cả hai đều là quan chức trong triều đình và có lẽ đều buồn phiền trước thế thái nhân tình và những điều ô trọc trong chốn quan trường. Là những nhà Nho có tiết tháo và lối sống ngay thẳng, thanh liêm, họ đều bị tổn thương bởi những kẻ ít chữ, nhưng lại quen thói cậy quyền, cậy thế để lên mặt với đời.

Nguyễn Khuyến thẹn với Đào Tiềm, nghĩa đen của ý thơ thì ông cảm thấy chưa được như Đào Tiềm? Có lẽ, đó chỉ là cảm nhận cá nhân của Nguyễn Khuyến. Đối với người đương thời và hậu thế thì không phải vậy, đó có thể chỉ là một cách nói khiêm nhường của ông – một lối nói người đọc dễ bắt gặp trong thơ ông. Cả về tài năng, đức độ và sự chính trực, Nguyễn Khuyến hoàn toàn là một bậc chính nhân quân tử, một mệnh quan của triều đình, nhưng khi cảm thấy bất lực trước tình cảnh nước nhà đang bị thực dân Pháp từng bước thôn tính, khi nhận thấy không phù hợp với trốn quan trường với nhiều điều ngang trái, Nguyễn Khuyến đã khẳng khái từ quan về quê.

Tâm sự đó, Nguyễn Khuyến đã từng bộc lộ đây đó trong thơ văn của ông. Trong bản *Di chúc*, Nguyễn Khuyến từng dặn con cháu khi ông qua đời, hãy *"Đề vào mấy chữ trong bia/ Rằng quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu"*. Bằng hai câu thơ này, Nguyễn Khuyến muốn nói với người đời rằng dù thiết tha với đất nước, nhưng vì lực bất tòng tâm, ông đã không còn làm quan từ lâu lắm rồi!

Từ đây, quay trở lại bức tranh mùa thu trong bài thơ, có thể nhận thấy không gian, thời gian, những từ ngữ đặc biệt và những biện pháp tu từ khiến cho bức tranh mùa thu ở đây có thể có rất nhiều ý nghĩa hàm ẩn. Bức tranh mùa thu ấy, theo nghĩa rộng, có thể hiểu là sự cảm thán về xã hội – cuộc đời dâu bể đổi thay; theo nghĩa hẹp, có thể hiểu là tiếng thở dài về bản thân có nhiều điều bất như ý của nhân vật trữ tình.

Như thế, Nguyễn Khuyến vịnh về mùa thu không phải để thể hiện phong cảnh mùa thu mà thực chất ông muốn diễn tả nỗi niềm, tâm sự sâu kín trong lòng mình.



Ông lão bên chiếc cầu (Old man at the bridge) của Ernest Hemingway là một trong những tác phẩm được chọn đưa vào làm văn bản đọc trong SGK Ngữ văn (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) bên cạnh các tác phẩm *Trở về* – trích *Ông già và biển cả* (*Ngữ văn 12*, tập hai, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*). Bằng hình ảnh một ông lão nông dân không tên, tác phẩm phản ánh hiện thực khốc liệt của chiến tranh và sự đấu tranh nội tâm giữa sinh tồn và tình thương. Với phong cách viết cô đọng, biểu tượng "cây cầu" và các chi tiết nhỏ nhặt nhưng đầy sức nặng, Hemingway đã khéo léo khắc hoạ số phận con người trong hoàn cảnh éo le, từ đó gửi gắm thông điệp nhân văn sâu sắc về lòng trắc ẩn và tình yêu quê hương.

Trong số này, mời các bạn cùng đọc bài viết *"Ông lão bên chiếc cầu: chi tiết giản đơn – sức chứa trùng điệp"* của tác giả Trần Thuý Vân để hiểu rõ hơn về tác phẩm cũng như tác giả Hemingway...

"Ông lão bên chiếc cầu" chi tiết giản đơn sức chứa trùng điệp

ThS. Trần Thuý Vân
GV. Trường THPT Nguyễn Trãi, H. Ngọc Hồi, Kon Tum

Ernest Hemingway (1899 – 1961) được biết đến với những tiểu thuyết nổi tiếng như *Chuông nguyện hồn ai*, *Giã từ vũ khí*, *Ông già và biển cả*,... Bên cạnh đó, mảng truyện ngắn của ông cũng vô cùng đặc sắc với lối viết cực hạn, mạnh mẽ, tường thuật hấp dẫn... *Ông lão bên chiếc cầu* là một trong số những truyện ngắn khai thác đề tài chiến tranh, tác phẩm đã cho người đọc chứng kiến sự khốc liệt của chiến tranh qua số phận hẩm hiu của một lão nông dân, ở đó, chúng ta sẽ nhận ra những bài học nhận thức về bản thể, của đạo đức con người.

Ông lão bên chiếc cầu viết năm 1938, câu chuyện được lấy trong bối cảnh cuộc nội chiến Tây Ban Nha, khi những thảm cảnh từ chiến tranh đã tàn phá cuộc sống con người. Bằng ngòi bút chân thực và những trải nghiệm của người đi trong cuộc chiến, Hemingway chỉ ghi nhận sự tàn bạo phi lí của cuộc chiến tranh mà không bộc lộ cảm xúc nào. Chính điều đó đem lại tính khách quan từ góc nhìn trần trụi, chân thực càng làm cho sức tố cáo tội ác chiến tranh của tác phẩm thêm mạnh mẽ.

Lối hành văn đơn giản, truyện không có cốt truyện, dung lượng một truyện ngắn nhỏ nhưng sức chuyển tải rất lớn, đó chính là nguyên lí "tảng băng trôi" trong đặc điểm sáng tác của Hemingway. Ở tác phẩm này, số phận hẩm hiu của ông lão chính là số phận đau khổ của người nông dân khi xảy ra trận chiến. Nhân vật ông lão được xây dựng bằng những chi tiết phác hoạ qua lời kể của nhân vật tôi. Tác giả không đặt tên cho nhân vật, tạo nên tính khái quát, ông lão đại diện cho rất nhiều số phận con người là nạn nhân của chiến tranh. Hình ảnh ông lão hiện lên *"với áo quần đầy bụi ngồi bên vệ đường"*, lòng đầy lo lắng cho những con vật lão nuôi ở quê nhà San Carlos, khiến chúng ta tràn đầy thương cảm, khắc khoải theo nỗi âu lo của lão. Ông lão ngồi mệt mỏi, *"không nhúc nhích, không thể nào đi tiếp"* trong khi mọi người cố vượt qua cây cầu, chạy thoát khỏi sự càn quét của chiến tranh. Ông không muốn rời đi dù cái chết đang cận kề, bởi vì ông bận lòng suy nghĩ cho sự sống còn của những con vật nuôi. Ông nhớ chúng nó: hai con dê, một con mèo và bốn cặp bồ câu; ông thương xót chúng nó, không tưởng tượng nổi điều gì có thể xảy ra với chúng khi bị bỏ lại. Nỗi băn khoăn thường trực trong ông lão qua lời thoại lặp đi lặp lại – nỗi lo âu không biết chúng nó xoay xở thế nào. Những lời ông nói với anh lính trinh sát cho thấy ông rất yêu thương chúng nó, cố gắng tự trấn an rằng, loài mèo dĩ nhiên ổn, nhưng thấy bất an khi nghĩ về những con vật khác.

Trong tâm hồn ông lão già nua sáng lên một sự thiện lương, khi lúc nào cũng canh cánh về những gì có thể xảy ra đối với đám gia súc, gia cầm. Đồng thời, trong tâm hồn ông lấp lánh một tình yêu tha thiết với quê nhà, ông là người cuối cùng rời làng, cảm thấy vui khi nhắc đến tên quê nhà San Carlos. Một đời gắn bó với công việc nông trang, sống thuần hậu, giàu lòng trắc ẩn là những nét đẹp của người nông dân, thế nhưng người nông dân đó không được yên ổn với cuộc sống bình dị nhất. Ông lão ngồi bên cầu chính là hình ảnh người dân vô tội, hứng chịu cuộc chiến tranh tàn khốc. Dưới sự bạo tàn của chiến tranh, tất cả mọi người đều là nạn nhân. Ông lão đã chịu đựng rất nhiều đau đớn, day dứt khi rời làng và bỏ lại tất cả các con vật nuôi của lão. Sức chịu đựng của con người rất lớn, nhưng điều đó không phải là thước đo giữa bom đạn, vì vậy, nó càng làm nổi bật nỗi đau đớn của ông lão. Chính điều này, khiến chúng ta càng thấm thía sự mong manh và tội nghiệp của số phận con người dưới gót giày của chiến tranh.

Nhân vật trong truyện ngắn của Hemingway thường có một kiểu dạng đặc biệt, thể hiện những cảm nhận tâm thức của nhà văn và lay động tâm thức người đọc. Dù cách tác giả xây dựng nhân vật không có

Trong tâm hồn ông lão già nua sáng lên một sự thiện lương khi lúc nào cũng canh cánh về những gì có thể xảy ra đối với đám gia súc gia cầm. Đồng thời trong tâm hồn ông lấp lánh một tình yêu tha thiết với quê nhà, ông là người cuối cùng rời làng, cảm thấy vui khi nhắc đến tên quê nhà San Carlos. Một đời gắn bó với công việc nông trang, sống thuần hậu, giàu lòng trắc ẩn là những nét đẹp của người nông dân, thế nhưng người nông dân đó không được yên ổn với cuộc sống bình dị nhất. Ông lão ngồi bên cầu chính là hình ảnh người dân vô tội, hứng chịu cuộc chiến tranh tàn khốc.



gì đặc biệt, thậm chí rất bình thường, họ có thể là bất kì ai – không tên, không tuổi, không mang lí tưởng vĩ đại, cũng không có thành tích lớn lao để thúc đẩy xã hội. Nhưng, họ vẫn là anh hùng trong một bối cảnh cụ thể, là con người cao cả trong một tình huống bị chi phối bởi ý thức sinh tồn. Nhân vật ông lão bên chiếc cầu được nhà văn đặt vào tình thế buộc phải lựa chọn giữa sự sống và cái chết: rời đi hay ở lại quê hương. Sự lựa chọn này không hề dễ dàng, nhưng ông lão vẫn phải đưa ra quyết định, ưu tiên phương án vì sự sống. Vì thế, dù không muốn, ông lão vẫn buộc mình rời làng. Ông bị bắt buộc lựa chọn sự sống trong ý thức sinh tồn, lựa chọn đó vừa là bản năng, vừa là lí trí. Thế nhưng đứng trước lựa chọn đúng đắn trong tình cảnh này thì ông lão lại tiếp tục rơi vào một lựa chọn thứ hai: sự lựa chọn của ý thức đạo đức. Lựa chọn bỏ làng đồng nghĩa với lựa chọn bỏ lại tất cả những con vật nuôi. Đối với mọi người, chúng nó có thể là tài sản. Đối với ông lão thì còn hơn thế nữa, bởi ông lão sống với chúng và chúng là gia đình của lão. Như vậy, việc lựa chọn được sống đồng nghĩa với việc ông lão phải bỏ mặc sự sống của những con vật mà ông xem như một phần gia đình. Chỉ khi đứng trong hoàn cảnh của ông, chúng ta mới hiểu hết áp lực của sự lựa chọn này. Áp lực vốn có của con người là giữa sự sống và cái chết, nhưng đối với ông lão, nó còn là tình yêu thương ông dành cho đám vật nuôi. Hiện

thực chiến tranh đã đủ tàn khốc, nhưng càng tàn khốc hơn khi phải tìm cách tồn tại mà vẫn giữ được sự vẹn toàn cho những yêu thương. Ông lão rời làng, tìm đến chỗ trú ẩn an toàn, nhưng liệu tâm hồn ông có thể yên ổn không? Chắc chắn là không! Và như thế, để duy trì sự sống – ông lão lại phải đấu tranh để lựa chọn, sau lựa chọn đó – ông lão lại tiếp tục đấu tranh để giữ vững sự lương thiện vốn có trong chính bản thân. Câu chuyện của ông lão là câu chuyện của ý thức sinh tồn và ý thức đạo đức. Điều đó giải thích, vì sao ông lão không chịu rời đi khỏi vùng có chiến sự. Ở đây, một lão nông già nua không còn là một ông lão bình thường, ông lão trở nên phi thường trong sự đấu tranh trước những lựa chọn đầy áp lực của hiện thực sống vô cùng khắc nghiệt. Chúng ta thấu hiểu những nội tâm, dằn xé của ông lão, lại càng trân trọng sự sống của muôn loài. Càng thấy thương hơn cho ông lão trước những đau khổ trong tâm hồn lương thiện của ông.

Sức hấp dẫn của một tác phẩm văn học được tạo ra từ nhiều yếu tố, trong đó khả năng gợi mở của tác phẩm cũng là một cách để thu hút, và truyện ngắn *Ông lão bên chiếc cầu* đã có những chi tiết nhỏ nhưng sức gợi rất sâu sắc. Dung lượng truyện rất ngắn, tập trung chủ yếu vào đoạn đối thoại giữa nhân vật ông lão và nhân vật tôi, qua đó người đọc khám phá chiều sâu tâm hồn nhân vật. Ở nhân vật tôi, hầu hết lời nói của anh đều là câu hỏi, trong anh có nỗi băn khoăn vì sao ông lão không chịu rời đi theo mọi người, tìm nơi an toàn tránh bom đạn của cuộc chiến. Một loạt câu hỏi ngắn và vội, tưởng chừng như anh thờ ơ với ông lão, anh đang trong một nhiệm vụ quân sự quan trọng nên anh phải rất gấp rút và có quyền xao nhãng cho những gì không liên quan. Thế nhưng, anh vẫn dừng lại để quan tâm một ông lão già nua bên cầu. Rồi anh tìm thấy nhiều thông tin từ ông lão qua lời lão kể cũng rất ngắn. Chừng đó thôi, đủ để thấy anh lính trinh sát thực sự là người có chiều sâu trong suy nghĩ, hiểu được nỗi băn khoăn lớn trong lòng ông lão. Chiến trường dữ dội, sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc, anh trân trọng mọi sự sống nên anh cố tìm cách trấn an ông lão về đám vật nuôi, anh khẳng định con mèo sẽ ổn, bồ câu sẽ bay đi, những con khác sẽ không sao. Đó là cách anh thúc giục ông lão rời đi và hướng ông theo mấy chiếc xe tải đang đỗ trên lối rẽ về hướng Tortosa lánh nạn. Ngay cả khi biết ông lão sẽ không đi, anh vẫn thầm mong ông có thêm nhiều may mắn trước sự sống sót hi hữu này. Nhân vật tôi – một người lính trinh sát – trong cuộc tiếp xúc ngắn, chỉ qua những câu thoại đơn giản đã giúp người đọc nhận diện hiện thực khách quan nhất về cuộc chiến đang diễn ra: đây là nơi không an toàn để dừng chân và người

dân phải khẩn trương sơ tán. Chiến tranh tàn khốc không được miêu tả cụ thể hay khuếch đại, mà chỉ được điểm lược qua hình ảnh đoàn người lê chân trong bụi đất, đoàn xe thoát chạy lăn bánh lao về phía trước, cùng nhiệm vụ do thám bước tiến của địch mà anh lính trinh sát phải hoàn thành. Những chi tiết phác hoạ rất nhanh nhưng đã tái hiện được hơi thở của bầu không khí chết chóc, ngột ngạt và nguy hiểm của cuộc chiến.

Phong cách sáng tác của Hemingway luôn tập trung vào sự tinh giản, kiệm lời trong cách diễn tả, với những chi tiết tuy gói gọn nhưng mang sức chứa lớn, truyền tải thông điệp sâu sắc. Hình ảnh cây cầu trong tác phẩm là biểu tượng của ranh giới giữa hai phe tham chiến, nơi con người bị đẩy vào tình thế khốn sở. Dù không tham gia phe nào, người dân vẫn chịu tác động to lớn, buộc phải rời bỏ nhà cửa, làng mạc để tìm nơi trú ẩn, kéo theo nhiều hệ luỵ trên những chặng đường loạn lạc. Nếu không rời đi như ông lão, họ sẽ đối mặt với nguy hiểm hiện hữu, nhưng rời đi cũng không chắc chắn rằng họ sẽ thoát được đại nạn. Bóng dáng ông lão già nua, khắc khổ, chịu đựng bên chiếc cầu là biểu tượng cho số phận con người đau khổ, lạc lõng giữa hỗn loạn. Bên cạnh đó, chi tiết ngày lễ Phục sinh và "niềm may mắn" của giống mèo tạo ra sự tương phản với số phận của ông lão. Ngày lễ Phục sinh, biểu tượng cho sự tái sinh và trường tồn, cùng với hình ảnh loài mèo – loài có thể tự xoay sở – thể hiện sức bền bỉ và mạnh mẽ. Hai chi tiết này ngược lại với tình cảnh của ông lão khi đối mặt với cái chết do quân phát xít đang tiến đến gần. Sự đối lập này thể hiện hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà số phận con người không thể tránh khỏi. Đồng thời, hai chi tiết này còn ẩn chứa một ý niệm cầu nguyện cho sự may mắn đến với những con người khổ ải dưới ách bạo tàn của chiến tranh, thể hiện tình cảm sâu sắc mà nhà văn dành cho những người lao động và tất cả nạn nhân của chiến tranh. Đó là một ý niệm cao cả mà Hemingway muốn truyền tải, thể hiện tinh thần nhân văn và sự trân trọng dành cho sự sống của muôn loài.

Có thể khẳng định, ông lão chính là hình ảnh một con người phi thường trong cách thức tồn tại giữa hiện thực khốc liệt. Chiến tranh chỉ mang lại đau thương, tổn hại cho con người nhưng trong tận cùng của đau thương, con người vẫn giữ được lòng lương thiện và tình yêu thương thì con người chính là anh hùng của cuộc đời. Thiên truyện trong chiều sâu của trùng trùng tầng nghĩa đã đem lại những thông điệp về tình yêu, hoà bình và sự sống trên toàn cầu.

ĐỒNG HÀNH CT&SGK

VH&TT giới thiệu tới bạn đọc chuỗi bài viết của PGS.TS. Dương Tuấn Anh (GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) về những hình ảnh có nghĩa biểu tượng, từ Hán Việt có trong các văn bản ngữ liệu của SGK Ngữ văn (CTGDPT 2018). Các bài viết sẽ giúp các em học sinh:

▲ Giải đáp các thắc mắc về từ Hán Việt xuất hiện trong các văn bản đọc.

▲ Mở rộng vốn từ có nét nghĩa tương đương, thêm tư liệu/vấn đề hấp dẫn xoay xung quanh từ ngữ Hán Việt.

▲ Có thêm tư liệu để có thể hiểu sâu hơn về tác phẩm.

Yến – loài chim của tinh thần lạc quan và những ước vọng cao đẹp

PGS.TS. Dương Tuấn Anh

Trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*, khi Vũ Nương bộc lộ nỗi đau chia lìa với chồng vì sự nghi kị, ghen tuông vô cớ của chồng, nàng nói: *"Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa."* (*Ngữ văn* 9, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tr.12).

Trong *Truyện Kiều* lại có câu:

Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân...

Có thể thấy, hình ảnh chim yến (én) xuất hiện rất nhiều trong các tác phẩm văn học từ xưa đến nay. Xin thầy giải thích giúp chúng em ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh này.

Yến là loài chim nhỏ, cánh dài nhọn, đuôi chẻ đôi, mỏ ngắn, có bề ngoài rất giống với các loài én. Trên phương diện ngôn ngữ, *én* có lẽ là đọc chệch của âm *yến* (người xưa cũng dùng chữ Hán 燕 *yến* để ghi âm Nôm *én*). Trong văn chương, hai loài chim này thường được coi là một. Hình tượng chim yến (hoặc én) đã được sử dụng trong các tác phẩm văn chương để chuyển tải những suy nghĩ, cảm xúc của con người qua bao thế hệ.

Yến yến vu phi,
Si trì kì vũ.
Chi tử vu quy,
Viễn tống vu dã.
Chiêm vọng phất cập,
Khấp thê như vũ...

(Dịch nghĩa: Chim yến bay đi/ Lông của nó không tề chỉnh/ Nàng trở về nhà cha mẹ không trở lại nữa/ Đưa tiễn nàng xa tận ngoài đồng nội/ Trông theo thì không thấy nàng nữa/ Khóc thương nàng lệ đổ như mưa...)

Đó là những câu ca trong bài *Yến yến* (*Chim yến*) thuộc *Kinh Thi* (một tập hợp các tác phẩm ra đời khoảng trên dưới ba ngàn năm trước), được người Trung Quốc xưng tụng là "khai tổ" của thơ tống biệt. Bài thơ được cho là miêu tả nàng Đái Quy (người thiếp của vua Vệ Trang Công, sống khoảng thế kỉ VIII trước Công nguyên), trở về nhà sau khi chồng mất, con trai nối ngôi một thời gian rồi bị hại chết, mang theo nỗi khát khao về một tương lai hạnh phúc không thực hiện được. Hình tượng chim yến trong bài này được cho là biểu tượng linh vật (totem) của dân tộc nàng Đái Quy. Nhưng nó cũng là hình ảnh biểu trưng cho một con người mang trong mình những khát khao cháy bỏng – khát khao về cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, khát khao làm một người mẹ nhìn thấy đứa con yêu dấu của mình lớn lên và thành công. Chỉ tiếc là, với nàng Đái Quy, khát khao ấy đã không thực hiện được, khiến nàng phải trở về như một chú chim với bộ lông không tề chỉnh chấp chới bay.

Các thi nhân xưa nay đã dựa vào tập tính của loài chim này để sáng tạo nên hình tượng chim yến trong văn học. Hàng ngàn năm qua, hình tượng chim yến là biểu tượng mang nhiều ý nghĩa khác nhau, tuỳ thuộc vào ngữ cảnh và tác phẩm.

Loài chim này thường di cư đến những nơi ấm áp, tránh những thời điểm giá lạnh. Vì thế, mỗi khi chim yến (én) xuất hiện trở lại trên bầu trời, mọi người thường coi đó như dấu hiệu của mùa đông đã qua, mùa xuân đã tới. Bởi vậy, hình tượng chim yến trước tiên thường mang ý nghĩa biểu trưng cho mùa xuân, cho những điều tốt lành. Nhà thơ Trung Quốc là Lý Bạch (701 – 762) trong bài *Cung trung hành lạc từ* (*Bài từ về thú vui trong cung*, bài số 7) đã dùng hình tượng chim yến để biểu thị điều này:

Hàn tuyết mai trung tận,
Xuân phong liễu thượng quy.

Cung oanh kiều dục tuý,
Thiếm yến ngữ hoàn phi...

(Dịch nghĩa: Tuyết lạnh không còn đọng trên cây mai nữa/ Gió xuân đã trở về trên ngọn liễu/ Chim oanh trong cung đẹp đến say đắm lòng người/ Chim yến vừa bay vừa hót líu lo ngoài mái hiên...)

Khi miêu tả tiết thanh minh với đông đúc bao người tham gia *"Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh"* trong *Truyện Kiều*, đại thi hào Nguyễn Du đã dùng hình tượng chim yến nô nức mỗi độ xuân về:

Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân...

Gắn với sự hiện diện của mùa xuân, mùa của sức sống mới, niềm tin và hi vọng mới, nên hình tượng chim yến còn được người xưa gắn với những điều may mắn, vui tươi, tốt lành. Thành ngữ Trung Quốc có câu 燕子不進貧家 *Yến tử bất tiến sầu gia* (chim yến không vào nhà nào sầu thảm), ý chỉ chim yến làm tổ ở gia đình nào thì gia đình đó sẽ được may mắn, tốt lành. Tất nhiên, đây chỉ là một cảm nhận tâm lí chủ quan, nhưng sự việc "chim yến vào nhà" thực sự đem lại tâm thế tích cực cho gia chủ. Trong bài *Đề đào thụ* (*Viết lên cây đào*) thi nhân danh tiếng đời Đường là Đỗ Phủ (712 – 770) đã dùng hình tượng chim yến đối lập với quạ đen (con vật thường biểu trưng cho điều không may) để khắc hoạ một cuộc sống thái bình:

...Liêm hộ mỗi nghi thông nhũ yến,
Nhi đồng mạc tín đả từ ô.
Quả thê quần đạo phi kim nhật,
Thiên hạ xa thư chính nhất gia.

(Dịch nghĩa: Mành cửa mỗi khi hé mở, én nhỏ lọt vào/ Trẻ không ưa quạ đen, đánh đuổi cả những con hiền lành/ Hôm nay không còn quả phụ và trộm cướp/ Thiên hạ thái bình đoàn tụ một nhà.)

Thi nhân Việt Nam Nguyễn Đề (1761 – 1805, anh của đại thi hào Nguyễn Du) trong thời gian đi sứ, có sáng tác hoạ lại thơ của vua Trung Hoa, sử dụng hình tượng chim yến như một biểu trưng đa nghĩa, vừa là dấu hiệu báo xuân về, vừa là một biểu tượng của cát tường, tốt đẹp. Trong bài *Cung hoạ ngự chế tứ Triều Tiên, Lưu Cầu, An Nam chư quốc sứ thần thi* (Thơ cung kính hoạ lại thơ do nhà vua làm ban cho sứ thần các nước Triều Tiên, Lưu Cầu, An Nam), ông viết:

Cửu thập thiều quang phủ nhị tuần,
Linh viên oanh yến báo xuân tần.

Tình trì luân bí xu hành điện,
Vân tập y quan bái thánh nhân...

(Dịch nghĩa: Thiều quang chín chục vừa được hai chục ngày/ Vườn kia oanh yến thì nhau báo tin xuân/ Đuổi theo sao, rong xe giữ cương mà theo hàng vào châu/ Áo quần như mây tụ chiêm bái thánh nhân...)

Biểu trưng cho những điều may mắn, tốt đẹp, hi vọng về một tương lai tươi sáng hơn, hình tượng chim yến tiếp tục mở rộng ý nghĩa, biểu trưng cho khát vọng sống, khát vọng tình yêu, hạnh phúc, lứa đôi. Thành ngữ Trung Quốc 勞燕分飛 *lao yến phân phi* (chim sáo và chim yến chia nhau bay xa) là ẩn dụ cho tình cảnh vợ chồng hoặc những cặp đôi yêu thương nhau mà phải chia li. Trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, khi miêu tả cảnh người vợ dẫu rất yêu chồng, vẫn khát khao hạnh phúc lứa đôi, nhưng vợ chồng phải chia lìa vì sự nghi kị, ghen tuông vô cớ của chồng, tác giả Nguyễn Dữ (sống khoảng thế kỉ XVI) cũng dùng hình ảnh chim én (yến) để chuyển tải thông điệp như sau: *"Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa."*.

Một thi nhân (khuyết danh) đời Hán qua bài thơ *Đông thành cao thả trường* (*Thành Đông cao và dài*) đã bày tỏ khát vọng lứa đôi qua hình tượng đôi chim yến:

Yến Triệu đa giai nhân,
Mĩ giả nhan như ngọc.
Bị phục la thường y,
Đương hộ lí "Thanh khúc".
Âm hưởng nhất hà bi,
Huyền cấp tri trụ xúc.
Trì tình, chỉnh cân đới,
Trầm ngâm liêu trịch trục.
Tư vi song phi yến,
Hàm nê sào quân ốc.

(Dịch nghĩa: Yên Triệu nhiều người đẹp/ Khuôn mặt người đẹp như ngọc/ Mình mặc xiêm y bằng lụa/ Bên cửa chơi bản đàn "Thanh khúc"/ Tiếng vang vọng sao mà bi ai/ Tiếng đàn mau dồn dập/ Ngỡ ngàng chỉnh lại cân đai/ Đắn đo do dự (không biết nên làm gì cho phải)/ Muốn làm đôi chim yến cùng bay/ Ngậm bùn cùng xây tổ.)

Nhà thơ – nhạc sĩ Diệp Minh Tuyền (1941 – 1997) đã say sưa miêu tả nhân vật "em" như một cánh én mỏng manh nhưng luôn khát khao cháy bỏng tình yêu khi viết bài thơ *Mùa xuân chim én bay:*

...Em là cánh én mỏng
Chao xuống giữa đời anh
Cho lòng anh xao động
Thành mùa xuân ngọt ngào...

Là loài chim di cư, chim yến bay liệng trên bầu trời, có thể vượt qua những khoảng cách muôn dặm còn gợi lên cảm nhận về một khát vọng sự do, phóng khoáng, không bị ràng buộc. Nhà thơ Lưu Quý Tôn (1033 – 1092) trong thời gian làm chức quan thu thuế rượu tại Nhiêu Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tây, Trung Quốc) đã dùng hình tượng chim yến để tỏ chí hướng của mình. Trong bài thơ *Đề bình* (Viết trên bình phong), ông viết:

Ni nam yến tử ngữ lương gian,
Để sự lai kinh mộng li nhàn.
Thuyết dữ bàng nhân hồn bất giải,
Trượng lê huề tửu khán Chi Sơn.

(Dịch nghĩa: Chim yến kêu líu lo trên xà nhà/ Cớ sao làm kinh động khiến ta phải tỉnh dậy khi đang trong giấc mộng nhàn tản/ Kể lại cho người ở xung quanh nghe mà chẳng ai hiểu được/ Chống gậy lê, cầm theo bầu rượu đi ngắm núi Chi Sơn.)

Vị trí của một viên quan thu thuế rượu là rất nhiều lợi ích. Nhưng tác giả không màng tới thứ lợi lộc ô trọc ấy. Tác giả ngầm ví mình như chim yến: tiếng hót líu lo của nó con người bình thường sao có thể hiểu, nên tác giả có kể điều mình nghe được từ tiếng chim ấy thì cũng chẳng ai có thể hiểu được, nên tác giả chỉ có thể một mình mang rượu tới núi Chi Sơn ngắm thiên nhiên và giải khuây thôi. Đó là khí phách, phẩm giá của một nhân cách thanh khiết, không để những tham tục làm cho vấy bẩn.

Cánh chim tự do tiêu dao, thờ ơ với danh lợi ấy lại giữ tập tính luôn quay trở về tổ cũ dù đi xa đến đâu, hình tượng chim yến được dùng để tượng trưng cho tình yêu chung thuỷ, sự gắn bó với quê hương, gia đình và những giá trị truyền thống. Chim yến thường phải trải qua những cuộc hành trình dài để tìm về tổ ấm, điều này thể hiện cho sự kiên trì, lòng quyết tâm vượt qua khó khăn để đạt được mục tiêu cuối cùng. Danh sĩ Cao Bá Quát (180? – 1855) đã bày tỏ lòng mình qua hình tượng chim yến trong bài thơ *Bệnh trung* (*Trong lúc ốm*) như sau:

Vị tử tàn hình nhất hủ nho,
Cưỡng chi quyện cốt thiến nhân phù.

Trắc thân thiên địa bi cô chướng,
Hồi thủ yên tiêu khuất tráng đồ.
Hà nhật quy sào đồng yến yến,
Tha thì tập uyển quý ô ô.
A đồng bất thức Duy Ma bệnh,
Sổ vấn yêu vi sấu tổn vô?

(Dịch nghĩa: Một hủ nho chưa chết với thân hình tàn tạ/ Cố giữ đám xương mỏi nhờ người dìu đỡ/ Nghiêng mình giữa đất trời buồn nỗi bàn tay cô độc/ Quay đầu giữa mây khói uỷ khuất chí khí mạnh mẽ/ Ngày nào có thể về tổ giống như chim yến/ Khi khác đến vườn thẹn như bầy quạ đen/ Đứa bé không thể hiểu bệnh của Duy Ma Cật/ Bao lần cứ hỏi: Vòng eo lưng có?)

"Duy Ma bệnh" là "bệnh" của Duy Ma Cật. Trong *Kinh Duy Ma Cật* (*Vimalakirti Sutra*) – *Những câu hỏi về bệnh tật của Văn Thù* có ghi một câu chuyện: Khi đức Phật đang ở tu viện Vyaliba thuyết pháp, cư sĩ Duy Ma Cật đã cố tình nói rằng mình bị ốm và không chịu đi. Đức Phật sai Xá Lợi Phất và Văn Thù Sư Lợi đi hỏi bệnh. Văn Thù hỏi: "Nguyên nhân của bệnh này từ đâu phát ra?". Duy Ma Cật đáp: "Tất cả chúng sinh đều bị bệnh, nên tôi bệnh; nếu tất cả chúng sinh không bị bệnh thì bệnh thì bệnh của tôi sẽ tiêu trừ.". Vì thế, cụm từ "bệnh Duy Ma" về sau được dùng để chỉ "bệnh" của người theo đạo Phật, loại bệnh đau nỗi đau của chúng sinh. Trong bài thơ, tác giả tự ví mình với Duy Ma Cật, có bệnh vì dân vì nước, vì người dân cả nước cùng đang trong cảnh lầm than. Chú tiểu đồng không thể hiểu được loại "bệnh" này. Tác giả muốn được giống như chim yến, kiên trì, không từ bỏ mục tiêu tốt đẹp vì nhân dân mà mình đã chọn.

***

Hình tượng chim yến không ngừng được phát triển trong văn học dựa trên những tập tính của loài chim này, nhưng cũng không tách rời ý thức sáng tạo của văn nhân. Sự phát triển về tâm lí văn hoá đã khiến hình tượng chim yến trải qua quá trình thẩm thấu từ thiên nhiên tới con người với ý nghĩa biểu trưng phong phú. Chim yến trong văn học là sứ giả đáng yêu của mùa xuân, là nhân vật luôn nặng nghĩa tình, là hình mẫu của đôi lứa yêu nhau, là khát vọng luôn cháy bỏng, là sự kiên định hướng tới những giá trị cao đẹp... Hình tượng chim yến luôn đem lại sự ấm áp và gần gũi, mang lại cho trái tim đa cảm của mỗi con người chúng ta những rung động yên thương, lạc quan và hi vọng.

17.9.2024



HỎI VẤN
ĐÁP...VĂN

Các bạn thân mến! Chuyên mục "HỎI VẤN - ĐÁP...VĂN" do PGS.TS. Ngô Văn Giá phụ trách giúp các bạn giải mã những vẻ đẹp tiềm ẩn, thú vị của văn chương. Với tiêu chí là những câu hỏi "VẮN" (ngắn), các bạn hãy cứ yên tâm sẽ nhận được câu trả lời rất rất "VĂN" mà vẫn giải đáp mọi thắc mắc... Vậy còn đợi gì nữa mà không soạn thật nhiều câu hỏi hay gửi về VH&TT theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội (trong thư ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại để Toà soạn tiện liên hệ).

Các bạn có câu hỏi hay, thú vị được chọn đăng trên VH&TT sẽ được nhận tạp chí và nhuận bút. Ngoài các câu hỏi được đăng hàng tháng, VH&TT cũng sẽ dành tặng một phần thưởng đặc biệt cho các bạn có câu hỏi xuất sắc nhất trong quý.

Về văn bản *Lời má năm xưa* của tác giả Trần Bảo Định

Trong văn bản *Lời má năm xưa* của tác giả Trần Bảo Định, tại sao người má lại răn dạy con: *"Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?"* ạ. (SGK *Ngữ văn 10*, tập một, bộ *Chân trời sáng tạo*).

Khoảng mươi năm trở lại đây ở Việt Nam, trong nghiên cứu văn học, phê bình sinh thái đã được tiếp nhận và ngày càng lớn mạnh. Nói một cách ngắn gọn và dễ hiểu, phê bình sinh thái nghiên cứu mối quan hệ giữa con người và môi trường trong văn học, theo đó, quan tâm tới nội dung môi trường được thể hiện trong tác phẩm và cái cách mà nó biểu đạt. Công việc của phê bình sinh thái nhằm tập trung nghiên cứu về ý thức sinh thái, thái độ đối với sinh thái, phê phán cái nhìn "lấy con người làm trung tâm" dẫn đến huỷ diệt sinh thái, xây dựng mối quan hệ chung sống hài hoà với sinh thái, xây dựng ý thức về nơi chốn mà con người thuộc về... Cũng chính từ đây, có một dòng văn học sinh thái ra đời với một ý thức chủ động nhập cuộc của các nhà văn.

Văn bản *Lời má năm xưa* của Trần Bảo Định thuộc chủ đề này, gợi lên những thông điệp có ý nghĩa đối với người đọc.



Đây là một câu chuyện nhỏ, gắn liền với tình huống nhân vật "tôi" bắn rớt con chim thằng chài làm nó bị trọng thương, rồi bị người má mắng.

Ở đây, ngoài chi tiết lời mắng của nhân vật người má, cần lưu ý hai chi tiết nữa: kẻ cứu con chim thằng chài bị thương là hai con chim thằng chài khác, đã đưa nó đi lánh qua bên kia rạch; bầy chài đã đút mồi cho con chim bị thương ăn, như là cách chăm sóc ân cần. Nó đã từ chối sự chăm sóc của con người. Có thể nó không tin con người nữa. Nó chỉ tin và chấp nhận sự chăm sóc, tình thương của đồng loại. Như vậy, việc cứu con chim thằng chài không phải do con người, mà chính là nhờ đồng loại của nó.

Trở lại với lời mắng của người má. Điều này khiến cho nhân vật "tôi" bị dằn vặt, hối hận không chỉ ngay sau lúc sự việc xảy ra mà còn kéo dài cho đến lúc đã về già. Lời người má mắng đứa con rất có chừng, rằng "cướp đi sự sống" (chứ chưa đến mức độ giết chết sự sống), rồi nhắc con trai vớt nó lên để về trị thương, chăm sóc. Chính lời nhắc nhở của người má khiến đứa trẻ hiểu ra, ân hận, tìm cách chuộc lỗi.

Tuy nhiên, sở dĩ lời mắng của người má găm sâu vào tâm trí đứa con cho đến hết đời chính là nhờ vào cách nói thật ấn tượng. Lời nói có hai vế: *vế thứ nhất* với hàm ý buộc tội; *vế thứ hai* mang ý nghĩa chất vấn. Nếu lời mắng này chỉ có vế một thì hiệu quả răn dạy chưa đủ mạnh. Toàn bộ sức mạnh của lời răn dạy, khiến cho nhân vật tôi thức tỉnh, ân hận, day dứt suốt đời và có khả năng sửa mình chính là nhờ vào vế thứ hai, mang ý nghĩa chất vấn, cảnh tỉnh.

Kết thúc câu chuyện nhỏ, dù nhân vật tôi khi già đã không thôi "hối hận và bối rối", nhưng là một kết thúc ấm áp nhân tính. Nó gợi lên cho người đọc những suy ngẫm về việc bảo vệ và chung sống với thiên nhiên, loài vật, chở che muôn vật muôn loài bằng một tấm lòng từ ái, yêu thương. Bảo vệ và chung sống với muôn loài muôn vật cũng là cách bảo vệ ngôi nhà sự sống của chính con người.

Tháng Chín, 2024
Nhà NCPB Văn Giá

GIÚP BẠN ÔN THI

Đề thi khảo sát Olympic Thành phố Hồ Chí Minh môn Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 120 phút)

ThS. Trần Tiến Thành
CV. Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (giới thiệu)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngẩn ngơ tìm

Sau nhiều năm xa xứ
Ngơ ngác lối xưa về
Làng đổi thay quá đỗi
Đi tìm quê trong quê

Ràng rịt cỏ xanh đê
Níu chân – Chào ta đấy
Nao nao cò trắng vẫy
Đi tìm thơ trong thơ

Giật mình tỉnh cơn mơ
Véo von con sáo sậu
Đánh thức miền thơ ấu
Đi tìm tôi trong tôi

Ngày xưa ấy đâu rồi
Nắng trời bông bưởi trắng
Bâng khuâng cầm sợi nắng
Đi tìm xuân trong xuân

(Nguyễn Ngọc Hưng, Tạp chí *Sông Hương Online*, trang *Thơ Sông Hương 01&02 – 2004*)

Câu 1 (8,0 điểm)

Trong bài thơ, tác giả Nguyễn Ngọc Hưng đã chia sẻ: "*Đánh thức miền thơ ấu/ Đi tìm tôi trong tôi*". Lời chia sẻ ấy gợi nhắc về cái tôi hồn nhiên, trong trẻo, nguyên sơ của tuổi nhỏ.

Vậy theo bạn, trong thời đại ngày nay, một cái tôi như thế nào cần được người trẻ đi tìm và thể hiện?

Hãy viết bài văn trả lời cho câu hỏi trên.

Câu 2 (12,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về bài thơ trên. Từ đó, bàn về cách thức "Đi tìm thơ trong thơ".

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1. Bài nghị luận xã hội

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động.

Có thể đưa ra quan điểm riêng về cái tôi mà người trẻ cần tìm kiếm và xây dựng trong xã hội ngày nay. Sau đây là gợi ý cho một hướng giải quyết đề bài:

– Giải thích vấn đề nghị luận:

+ Lời chia sẻ của tác giả Nguyễn Ngọc Hưng: lời chia sẻ của một người đã đi qua tuổi trẻ nhớ về cái tôi hồn nhiên, trong trẻo, nguyên sơ của ngày xưa.

+ Từ đó, xác định và giải thích về *cái tôi* mà người trẻ cần đi tìm và thể hiện trong thời đại ngày nay như: *cái tôi* với những giá trị tốt đẹp, tích cực, phù hợp với dòng chảy thời đại; *cái tôi* đích thực là ta, không lẫn vào ai, phù hợp với sở nguyện của bản thân,...

– Trình bày được hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. Dưới đây là một số gợi ý chung theo mạch câu hỏi: Lí do người trẻ đi tìm cái tôi? Cái tôi người trẻ cần tìm và thể hiện trong thời đại ngày này là cái tôi có đặc điểm như thế nào?

+ Mọi người, đặc biệt là người trẻ, có nhu cầu đi tìm và thể hiện cái tôi để: hiểu hơn về mình, định hình giá trị bản thân, được mọi người thấu hiểu và công nhận, xác lập vị trí của mình giữa cuộc đời,...

+ Cái tôi mà người trẻ cần đi tìm và thể hiện trong thời đại ngày nay nên là cái tôi với những giá trị tốt đẹp, tích cực, phù hợp với dòng chảy

thời đại vì: khát khao hướng thiện của mỗi cá nhân; nhu cầu được mọi người công nhận, tôn trọng; ước muốn đóng góp cho xã hội, trở thành người có ích, sự phát triển không ngừng của Cách mạng 4.0, AI,...

+ Cái tôi ấy phải đích thực là ta, không lẫn vào ai, phù hợp với sở nguyện của bản thân vì: mỗi người đều là một bản ngã riêng; những giá trị độc đáo luôn là điều đáng quý; chỉ khi là mình, mới có thể hạnh phúc dài.

– Mở rộng, trao đổi với các ý kiến trái chiều hoặc các ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: cái tôi không phải nhất thành bất biến mà được tạo dựng mỗi ngày trong suốt hành trình cuộc sống, vì vậy hành trình đi tìm và thể hiện cái tôi là hành trình suốt đời; không đồng tình với những cái tôi không phù hợp,...

– Rút ra định hướng sống cho bản thân và thế hệ mình với tư cách là một công dân của thế kỉ XXI: hành trình tìm mình là hành trình dài lâu, khó khăn và giàu ý nghĩa; hành trình tìm mình phải gắn với hành trình tạo ra những giá trị của mình.

c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 2. Bài nghị luận văn học

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề, triển khai vấn đề thành các luận điểm, vận dụng tốt các phương thức biểu đạt, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

Phân tích, đánh giá bài thơ:

– Phân tích một số nét đặc sắc về nội dung của bài thơ: nhan đề ngắn gọn vừa thể hiện được trạng thái cảm xúc chính (ngẩn ngơ) vừa thể hiện được hành động chủ yếu trong bài thơ (tìm); chủ đề gần gũi, thân quen: nỗi luyến tiếc trước những đổi thay của làng quê, nỗi hoài nhớ những điều đẹp đẽ của ngày xưa, tâm tình xao động khi đối mặt với những đan cài giữa quá khứ và hiện tại, giữa thực và mơ,...; nhân vật trữ tình: người con xa nhà nay về thăm quê; cảm hứng: ngỡ ngàng, bâng khuâng, xao xuyến khi nghĩ về cảnh cũ, làng xưa, kỉ niệm ấu thơ; tư tưởng: luyến thương những ngày xưa yêu dấu, khao khát những vẻ đẹp của thiên nhiên, nghệ thuật và cuộc đời; thông điệp: hãy trân trọng quá khứ, yêu mến làng quê, thuỷ chung với kỉ niệm,...

– Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ: chủ thể trữ tình ẩn; thể thơ năm chữ với bốn khổ, mỗi khổ đều có điệp cấu trúc: *"Đi tìm... trong..."*; nhịp thơ linh hoạt (có sự thay đổi giữa 2/3 và 3/2); cách gieo vần đa dạng (vần chính – vần thông, vần liền – vần cách), hình ảnh thơ quen thuộc, giản dị; ngôn từ thơ tinh tế, tha thiết; nhiều biện pháp tu từ được sử dụng: điệp từ, điệp cấu trúc, so sánh (*Nắng trời bông bưởi trắng*), ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (*Bâng khuâng cầm sợi nắng,...*).



Lưu ý: Có thể phân tích bài thơ theo kiểu kết hợp giữa nghệ thuật và nội dung; phân tích nội dung và nghệ thuật tách rời, có đánh giá tác dụng của nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung.

Bàn về cách thức "Đi tìm thơ trong thơ":

– Khi đi tìm chất thơ về nội dung của một bài thơ, cần chú ý đến các phương diện sau: chủ đề, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng, thông điệp, chi tiết, nhân vật trữ tình, nhan đề,...

– Khi đi tìm chất thơ về nghệ thuật của một bài thơ, cần chú ý đến các phương diện sau: dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, thể thơ, kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp,...

– Cần phân tích thêm một vài dẫn chứng để làm rõ luận điểm.

c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận,...

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.



Với mong muốn mang đến cho bạn đọc những văn bản đặc sắc thuộc nhiều thể loại, giúp bạn có thêm nguồn ngữ liệu phong phú cho hoạt động đọc mở rộng, VH&TT số này xin giới thiệu đến bạn đọc trích đoạn *Chúng ta sống để lắng nghe...* của tác giả Nguyễn Phong Việt. Hãy cùng đọc và viết lời bình (khoảng 150 – 200 chữ) gửi đến VH&TT để có cơ hội nhận những phần quà hấp dẫn nhé!

Chúng ta sống để lắng nghe...

Tác giả **Nguyễn Phong Việt**

Thỉnh thoảng, trong những ngày này, giữa đám đông, mình hay nhắm mắt lại... Đó có lẽ là cách tốt nhất để biết rằng mình đang làm gì ở nơi này, đám đông mang đến cho mình những điều gì... Và liệu mình có bỏ qua những âm thanh gì đó đặc biệt, do sự hỗn loạn của mắt nhìn, khiến bản thân không thể nghe thấy...

Tiếc rằng, mình hiếm khi nghe được những âm thanh nào đó tuyệt vời, từ những đám đông mà ngỡ như đang che đậy...

Những ngày còn trẻ, mình ít chịu lắng nghe mọi thứ. Cũng không hẳn vì mình tranh nói với ai đó hoặc đề cao cái tôi quá lớn. Chỉ là, mình nghĩ mắt mình nhìn thấy là đủ, việc lắng nghe âm thanh chỉ là động tác đi kèm, để tạo nên sự đồng bộ cho một góc quan sát nào đó của mình...

Mình cho rằng thứ mình nhìn sẽ rõ ràng hơn thứ mình nghe.

Rồi có một lần mình trở về quê nhà, buổi sáng sớm ra biển nằm đợi bình minh lên. Mình cứ thế nằm dài trên bãi cát, hít thở thật nhẹ, mắt nhắm lại... Và không hiểu sao, mình tin là trong khoảnh khắc ấy mình thấy được lớp sóng biển cách mình vài bước chân rất sống động. Mình thấy được tia nắng đầu tiên của ngày mới phủ dần lên người. Mình thấy mây trắng bay trên bầu trời. Thấy những bước chân người xung quanh, tiếng cười nói... Thấy cả làn gió mát rượi của buổi sớm tinh mơ thổi vào từ hướng biển... Trong khi mắt mình vẫn đang nhắm...

Hoá ra khi mình nhắm mắt, tầm nhìn bị thu hẹp về con số 0, thì ngược lại, tâm trí lại mở ra với những biên giới cảm nhận và tưởng tượng đến vô tận.

Chúng ta hay có xu hướng bị kích động những cảm xúc tồi tệ vì nhìn vào những biểu hiện của người đối diện. Từ cơ mặt cho đến biểu cảm cơ thể và cả ánh nhìn của người khác lọt vào trong tầm mắt của chúng ta, khiến cho chúng ta không thể nào không phản ứng, không giận dữ, không dùng lời lẽ để trấn áp...

Chúng ta nhìn nhiều hơn là nghe, để hiểu, để biết và cảm nhận rằng mình có thật sự muốn mọi việc diễn tiến theo hướng tiêu cực như thế này.

Cho đến khi hậu quả xảy ra, chúng ta mới nhắm mắt lại, nhận ra tâm trí mình vỡ oà sự hối hận...

Rất nhiều người trong cuộc đời từng nói với mình về cách quan sát từ sự vật đến con người. Nhưng không ai trong số đó dạy mình cách lắng nghe, cách lọc bỏ mọi tạp âm để nghe những thứ âm thanh mình muốn nghe nhất, từ bên trong mình và cả từ bên trong của người đối diện.

Nên mình rất mong muốn, ai đó chưa thật sự lắng nghe, hãy chịu khó lắng nghe một chút...

Hãy lắng nghe khi mình ôm ba mẹ mình vào lòng. Nghe ra những thương nhớ của ba mẹ dành cho mình, nghe ra tuổi già của ba mẹ, nghe ra mùi hương quen thuộc từ đấng sinh thành mà không có bất kì mùi nước hoa nào trên thế giới này sánh bằng...

Hãy lắng nghe những yêu thương mình đang có, những niềm vui công việc mình đang làm, những lựa chọn mình đang muốn dấn thân... để mình có thể bỏ qua tất cả những vội vã, ngang tàng, bất chấp... hiểu được mình cần làm gì để chăm sóc, gìn giữ, tận hiến...

Hãy lắng nghe mình với những tham lam vụn vặt, những tranh đấu gai góc, những vật vã tổn thương... để có thể lược bỏ những điều tầm thường ra khỏi đời mình.

Hãy lắng nghe cả con người và thế giới xung quanh, để biết họ vì sao trở nên như vậy, hành xử như vậy... Vì sao mọi thứ lại diễn ra theo cách này mà không là cách kia như chúng ta vẫn hình dung. Chúng ta chẳng thể can thiệp vào những điều ấy, song chúng ta cần lắng nghe, để tự điều chỉnh bản năng của mình theo hướng nhẹ nhàng nhất. Để mình bớt đi những muộn phiền không đáng hiện diện trong tâm hồn mình.

Thế giới của ngày hôm nay là một thế giới đang cổ xuý cho việc chúng ta nhìn nhiều hơn là nghe. Chúng ta không cần đi ngược chiều với đám đông, nhưng chúng ta cần làm thêm một động tác là hãy nhắm mắt lại mỗi khi lòng có chút bồi rồi, một chút hoang mang, một chút bực dọc... để lắng nghe mình, nói với mình những điều khiến mình vui và bình an.

Hãy để mình là một chiếc chuông gió trong cõi đời mênh mang này!

(Trích *Chúng ta sống để lắng nghe...*, NXB Trẻ, 2023)



Khi những cơn gió se lạnh mang theo mùi vị của mùa đông sắp tới, cũng là lúc lòng người lắng lại với bao nỗi nhớ về mẹ. Bài thơ *Mẹ tôi* của Nguyễn Đăng Độ là tiếng lòng dạt dào về hình ảnh người mẹ...

Tháng 10, bên ngoài trời đổi thay, lòng người càng thấm thía hơn tình mẹ bao la. Hãy cùng đọc tác phẩm và viết cảm nhận gửi về cho VH&TT nhé.

Mẹ tôi!

Tác giả **Nguyễn Đăng Độ**

Mẹ ơi đầy giấc mơ con
Lời ru của mẹ ngấm mòn tháng năm
Thân gầy nắng đốt mưa găm
Sớm khuya rút ruột đời tằm nhả tơ
Trái trời khoai lúa xác xơ
Bàn chân mẹ tãi mòn trơ cánh đồng
Ngày dầm con bấc giữa đông
Đêm buồn mẹ ngước lặng trông sao tàn
Những khi lụt lội bão tan
Vai trần mẹ quẩy miên man giọt buồn
Mẹ ơi dòng suối trên nguồn
Tấm đời con sạch trầm luân kiếp người
Chiều rồi hoa chẳng còn tươi
Thời gian nắng quắt nụ cười tàn phai
Lời ru cơn gió thở dài
Giờ đây mẹ phải nương vai nằm ngồi
Ngoài kia mưa gió trắng trời
Lá vàng chấp chới sắp rơi xuống rồi
Quặn lòng tiếng nấc, mẹ ơi!
Mất con ngấn giọt sao trôi ướt nhoà
Lạnh người nghe tiếng oa oa
Lật trang kí ức ngày xa héo mòn
Xin đừng để lại mình con
Cõi đời dâu bể mẹ còn chở che./.

(Trích tập thơ *Hương xa*,
Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2022)



VUI HỌC NGỮ VĂN

Thám tử văn chương

Một buổi sáng cuối tuần, năm người bạn: Đậu Xanh, Đậu Đỏ, Bí Ngô, Cải Bắp và Nấm Rơm đã cùng nhau tụ tập tại ngôi nhà của Đậu Xanh. Họ không chỉ là những người bạn bình thường mà còn là những tâm hồn đồng điệu, cùng nhau đam mê khám phá thế giới qua từng trang sách. Hôm nay, cuốn tiểu thuyết *Don Quijote* sẽ là chủ đề chính trong cuộc trao đổi của họ... Tất cả đều đã có thời gian tìm hiểu và chuẩn bị trước cho buổi thảo luận.

Nấm Rơm thiên tài, chăm đọc nhất, chia sẻ một cách tinh tường:

– Nhắc đến tiểu thuyết hiệp sĩ, không thể không nhắc đến *Don Quijote*. Đất nước Tây Ban Nha hiện lên vô cùng rộng lớn qua tác phẩm này.

Bí Ngô nhanh nhẹn đáp:

– Đó là một tác phẩm rất nổi tiếng trên thế giới.

Cải Bắp trầm ngâm:

– Tiểu thuyết kể về chàng Don Quijote, người đam mê đọc truyện hiệp sĩ, đã cùng Sancho Panza đi khắp nơi, mong lập được chiến công như các hiệp sĩ thời xưa. Chàng còn có một mối tình trong mộng với nàng Dulcinea.

Bí Ngô lại nhanh nhảu:

– Tớ thích nhất lúc nhà văn Balzac miêu tả cảnh Don Quijote chặn đầu máy xe lửa. Trong cảnh ấy, chàng đã rất dũng cảm, xông pha tiến về phía trước.

Nấm Rơm tự tin thêm vào:

– Tớ thích nhất hình ảnh chàng Don Quijote cưỡi ngựa, còn Sancho Panza cưỡi lừa. Hai hình ảnh đó tuy tương phản nhưng lại rất ấn tượng.

Cải Bắp hơi ngập ngừng, suy tư:

– Có lẽ tớ thích chi tiết chàng nhận ra lí tưởng hiệp sĩ khi đang ngồi đọc sách trong phòng...

Nghe đến đây, cả nhóm nghĩ ngợi và muốn học thêm về tác phẩm. Còn Đậu Xanh và Đậu Đỏ đã phát hiện ra một bạn chưa đọc kĩ cuốn tiểu thuyết này. Các bạn có biết đó là ai không? Hãy nhập vai thám tử, cùng hai bạn lập luận và gửi câu trả lời về VH&TT nhé.

(Hồng Nhung)

ĐỀ ÔN LUYỆN
CÂU LẠC BỘ VĂN – TOÁN TUỔI THƠ
ĐỀ CÁ NHÂN, MÔN NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 60 phút)

ThS. Nguyễn Đức Tâm An
GV. Trường THCS Ngô Sĩ Liên, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Câu tục ngữ nào sau đây có nghĩa gần nhất với câu *"Nhàn cư vi bất thiện"*?

A. Có chí thì nên
B. Nhàn rỗi sinh nông nổi
C. Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ
D. Một nghề thì sống, đống nghề thì chết

Câu 2. "Đường" trong từ nào sau đây có nghĩa khác với "đường" trong các từ còn lại?

A. đường mật B. đường sá C. đường hướng D. đường lối

Câu 3. Câu ca dao nào sau đây có sử dụng phép tu từ nói quá?

A. *Tiếng đồn cha mẹ anh hiền/ Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ đôi.*
B. *Con cò mà đi ăn đêm/ Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*
C. *Thương thay thân phận con rùa/ Lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia.*
D. *Đêm qua ra đứng bờ ao/ Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.*

Câu 4. Nghĩa của tiếng "mũi" trong từ nào được hiểu theo nghĩa gốc?

A. mũi đất B. mũi tên C. mũi lõ D. mũi dùi

Câu 5. Nghĩa hàm ẩn của đoạn thơ sau là gì?

Mợ bảo vần Tây chẳng khó gì!
Cho tiền đi học để chờ thi.
Thôi thôi lạy mợ "xanh căng" lạy.
Mả tổ tôi không táng bút chì!

(Tú Xương, *Không học vần Tây*)

(*xanh căng*: tiếng Pháp, nghĩa là 50)

A. "Tôi" không muốn học viết kiểu Tây vì vần Tây quá khó.
B. Lối văn của phương Tây không phù hợp để thi cử kiểu Việt.
C. Khó học viết kiểu Tây vì "tôi" không thích dùng bút chì.
D. Tình yêu nước thể hiện qua việc từ chối văn hoá phương Tây.

Câu 6. Truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) mở đầu như sau:

"Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi trời, có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời.

Thế cũng chẳng sao: Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ố thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không?"

Dòng nào sau đây nêu đúng về các thành phần biệt lập có trong đoạn trích?

A. Chêm xen, tình thái, cảm thán

B. Gọi đáp, chêm xen, tình thái

C. Tình thái, cảm thán, gọi đáp

D. Cảm thán, gọi đáp, chêm xen

Câu 7. Bài thơ *Đọc thơ Bác* của Hoàng Trung Thông, có đoạn:

Vần thơ của Bác, vần thơ thép
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình

Cụm từ "vần thơ thép" sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Ẩn dụ B. Nói quá C. Hoán dụ D. Nói tránh

Câu 8. Phép điệp ngữ trong những câu thơ sau có tác dụng gì?

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

(Đoàn Thị Điểm, *Chinh phụ ngâm khúc*)

A. Khắc hoạ con tim đồng điệu, chung nhịp đập của đôi chinh phu – chinh phụ.

B. Miêu tả cảnh tượng ngàn dâu xanh xanh trải dài tít tắp đến tận chân trời.

C. Tạo nhịp điệu dồn dập, gấp gáp của buổi chia li thời chiến tranh

D. Giúp các câu thơ liền mạch, làm nổi bật nỗi buồn chia li triền miên, dai dẳng

Câu 9. Dựa vào luật gieo vần, thanh điệu và nghĩa của các từ trong câu, hãy chọn từ ngữ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười [...] một người.
Gió mưa là bệnh của [...],
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

(Nguyễn Bính, *Tương tư*)

A. trông – đời B. mong – giời C. ngóng – trời D. thương – lời

Câu 10. Truyện ngắn *Một trường hợp li dị* (Nguyễn Khải) có đoạn:

"Chị quát các con:

– Chúng mày làm sao lại ngồi như bụt mọc thế, hử?

Chúng nó nhìn nhau mếu máo. Thì chúng làm gì nên tội. Chỉ cần như thế thôi đã đủ cho chị tức điên lên rồi. À, ra thế! Tôi róc xương sẻ thịt vì chồng con mà nào có dám đòi hỏi chồng con phải bù trả lại. Tôi chỉ xin các người một bộ mặt tươi tỉnh, một lời nói ngọt ngào mỗi khi tôi đi làm về, để tôi được hởi lòng hởi dạ tí chút, rồi tôi lại tiếp tục hầu hạ các người. Tôi chỉ cần có thế thôi mà cũng không được. Cái thân tôi nó khốn nạn thế, nó vất vả thế! Nào! Các người còn muốn hành hạ tôi đến thế nào nữa? Hả? Hả? Hả? Máu dồn lên mặt chị nóng bừng, chị ném nón, vứt làn, gầm gào như con thú bị thương."

Dòng nào sau đây xác định đúng các kiểu câu chia theo mục đích nói được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Câu hỏi, câu kể, câu khiến
B. Câu kể, câu hỏi, câu cảm
C. Câu hỏi, câu cảm, câu khiến
D. Câu kể, câu khiến, câu cảm

B. TỰ LUẬN NGẮN

Đọc văn bản sau:

Những ngày nghỉ học

(Tế Hanh)

Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa

Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương víu trong hơi máy
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau

Bánh nghiến lăn lăn quá nặng nề
Khói phì như nghẹn nỗi đau tê
Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ
Lòng của người đi réo kẻ về

Kẻ về không nói bước vương vương...
Thương nhớ lan xa mấy dặm trường
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương

(Dẫn theo Vũ Quần Phương, *Thơ với lời bình*, NXB Giáo dục, 1999)

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể loại của bài thơ.

Câu 2. Nhận xét về nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3. Nhân vật "tôi" có những suy tưởng gì về những chiếc tàu?

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau (trả lời trong khoảng từ 3 – 5 câu): "*Kẻ về không nói bước vương vương.../ Thương nhớ lan xa mấy dặm trường*".

Câu 5. Từ cảm nhận về bài thơ, em hãy nêu suy nghĩ của mình về tầm quan trọng của việc biết lắng nghe lòng mình và bộc lộ tiếng lòng ấy một cách lành mạnh. (Trả lời trong từ 3 – 5 câu).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

A. Trắc nghiệm:

1 – B, 2 – A, 3 – A, 4 – C, 5 – D, 6 – A, 7 – A, 8 – D, 9 – B, 10 – B.

B. Tự luận ngắn

1. Thơ bảy chữ.

2. Chàng học sinh, tức là còn trẻ tuổi, nhưng đã bộc lộ tâm hồn nhạy cảm và giàu cảm xúc, dễ rung động. Cậu dễ dàng đồng cảm với cả những người xa lạ, không cùng cảnh ngộ. Cậu còn có thể cảm thương đối với vật vô tri, điều đó thể hiện nhân vật "tôi" rất giàu lòng trắc ẩn.

3. Nhân vật "tôi" nhìn những chiếc tàu mà nảy sinh niềm xót thương, bởi trong mắt nhà thơ, tàu không đi nhanh được vì nó chở đi chỉ toàn là những kiếp người đau khổ (tha phương cầu thực, buôn gồng bán gánh – đặt vào bối cảnh nước ta lúc bấy giờ, năm 1938). Những hình ảnh như "*mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau*", "*bánh nghiến lăn lăn quá nặng nề*", "*khói phì như nghẹn nỗi đau tê*",... đã tái hiện sự buồn thảm đến tội nghiệp của chiếc tàu, nhưng cũng nhằm nhấn mạnh nỗi buồn của người trên tàu, lây lan sang cả chiếc tàu.

4. Đoạn thơ sử dụng biện pháp ẩn dụ "*thương nhớ lan xa*" và nói quá "*mấy dặm trường*". Làm câu thơ cụ thể, hữu hình hoá lòng thương nhớ của kẻ về – vốn là cảm xúc, không có hình khối. Không chỉ vậy, các biện pháp tu từ còn làm nổi bật nỗi buồn không thành lời nhưng sâu lắng, nó vương vấn bước chân của kẻ về trên suốt con đường xa vắng, trống trải, hiu quạnh.

5. Bài thơ chính là cách Tế Hanh bộc lộ tiếng lòng, khơi gợi sự đồng cảm của mọi người. Để làm được như vậy, trước hết phải biết lắng nghe lòng mình, không để cho cảm xúc bị trôi đi hoặc cố gắng phớt lờ nó. Khi cảm xúc được tôn trọng, nó sẽ tìm được cách biểu hiện thật lành mạnh, giúp chúng ta được giải toả, và giúp cho mọi người hiểu được ta hơn.

Mở cửa đón Mặt Trời

Bùi Duy Trí Thiện
Lớp 7A9, THCS Phan Chu Trinh, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng

Thế giới này đẹp lắm
Đừng buồn nhé bạn ơi
Mở mắt thấy Mặt Trời
Đã là niềm hạnh phúc.

Ai cũng từng mệt mỏi
Nghĩ mình thật đáng thương
Hãy nhìn ra phố phường
Bao mảnh đời bất hạnh.

Đôi khi mình lười học
Muốn được ngồi chơi game
Thấy mẹ buồn mỗi đêm
Trái tim mềm hối hận.

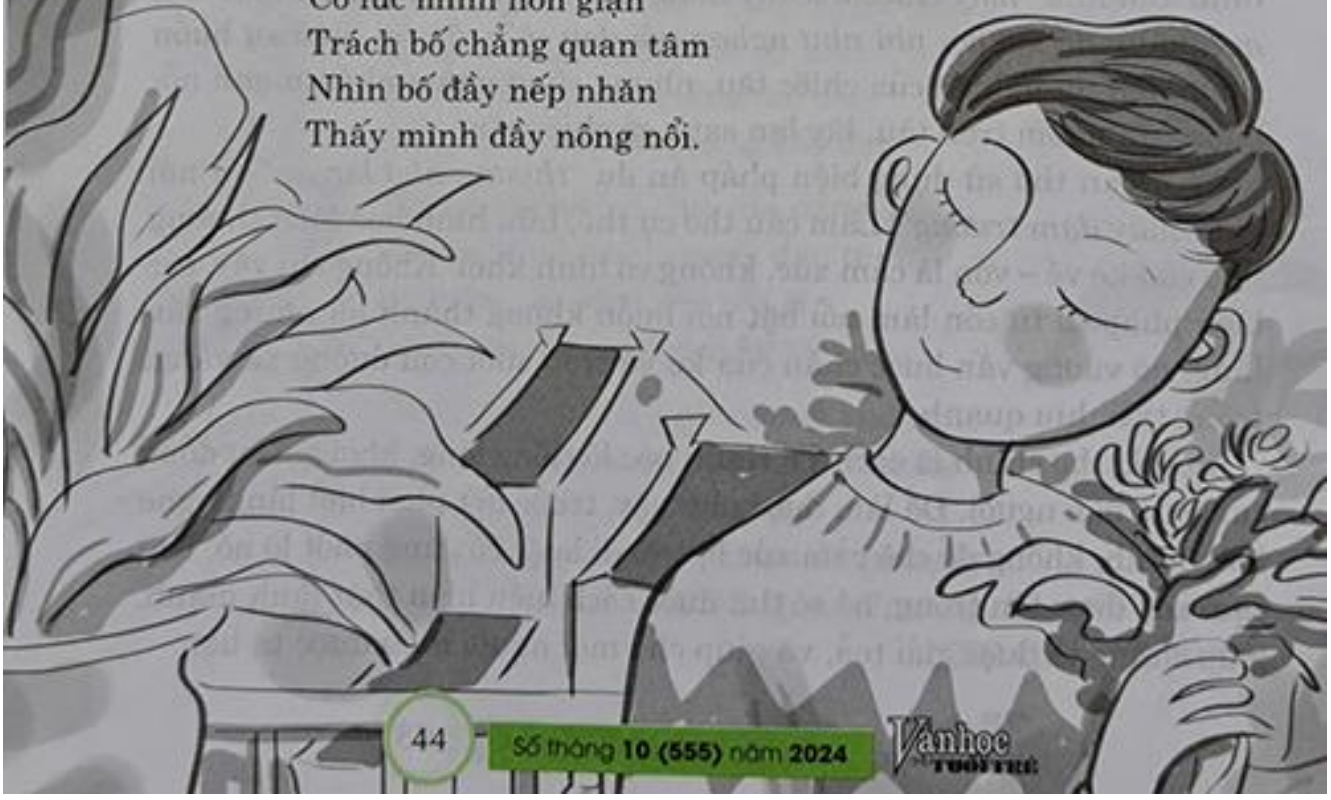
Có lúc mình hờn giận
Trách bố chẳng quan tâm
Nhìn bố đầy nếp nhăn
Thấy mình đầy nông nổi.

Có lúc mình hay dỗi
Thấy bè bạn vô tâm
Hay trách cứ hiểu lầm
Mình cũng đâu hoàn hảo...

Ôi bao điều phiền não
Thật chẳng có gì đâu
Do chẳng biết trước sau
Đặt mình vào người khác.

Tuổi thơ như suối mát
Có gia đình chở che
Có thầy cô bạn bè
Là khung trời hạnh phúc.

10.2023

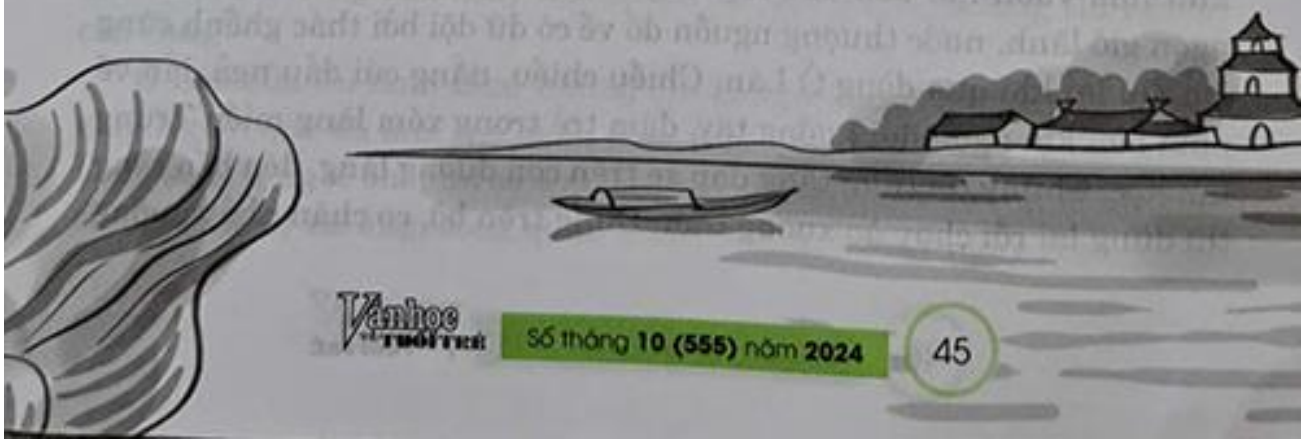


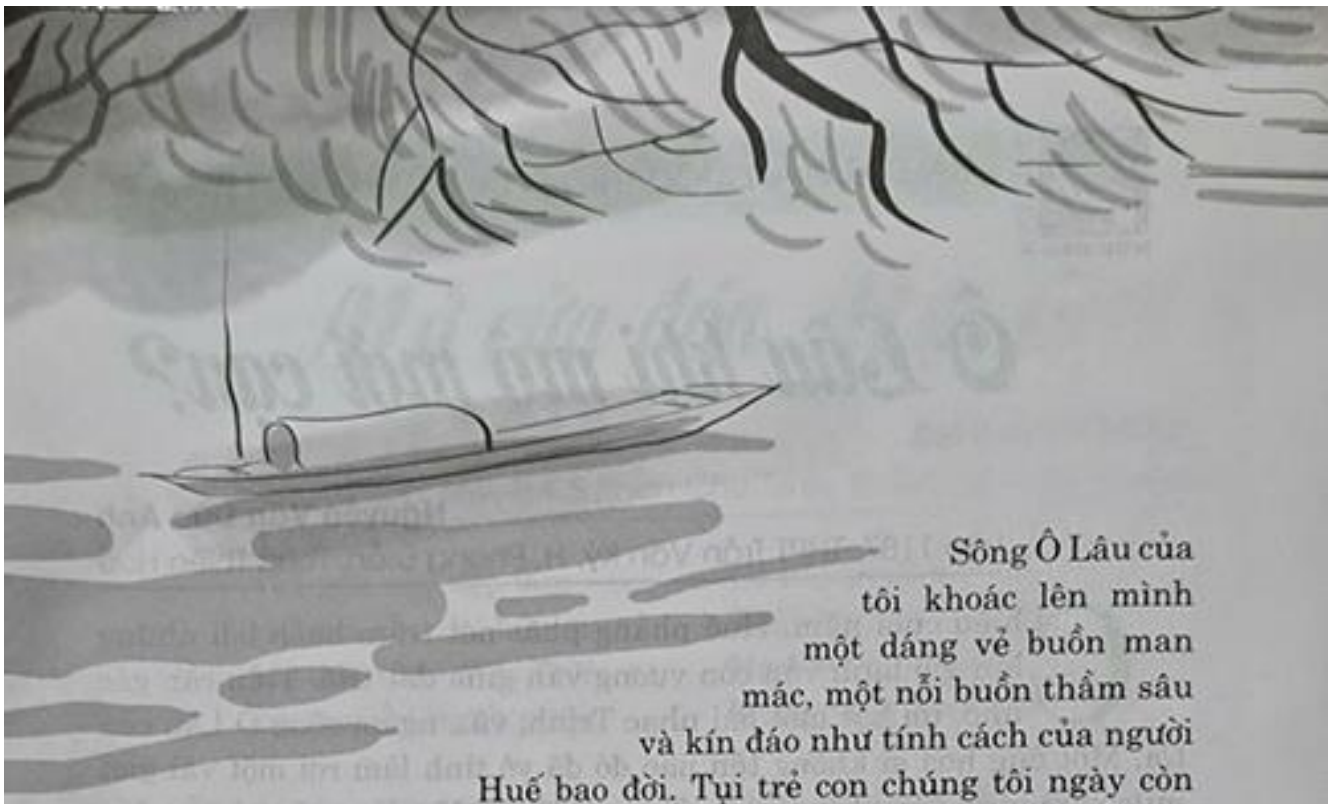
Ô Lâu khi mô mới cạn?

Nguyễn Văn Đức Anh
Lớp 11B7, THPT Trần Văn Kỷ, H. Phong Điền, Thừa Thiên Huế

Chiều cuối năm, Huế phảng phất nét trầm buồn bởi những làn gió lạnh vẫn còn vương vấn giữa đất trời. Trên căn gác nhỏ, tôi bật một bài nhạc Trịnh, và... ngắm sông Ô Lâu của tôi. Một ông hoạ sĩ không tên nào đó đã vô tình làm rơi một vài giọt mực xám giữa đồng bằng miền Trung, để giờ đây dòng sông buồn đến thế!

Sông Ô Lâu trước đây có tên là Ô Lũ (theo sách *An Nam chí*). Con nước đầu nguồn gối đầu êm ả lên ngọn núi Truồi hùng vĩ, uốn lượn mềm mại như dải lụa, ai đã trải ra giữa núi rừng Trường Sơn xanh thẳm, sau đó hội lưu với sông Mỹ Chánh tạo nên sông Ô Lâu. Dòng chảy hiền như một bà mẹ quê xứ Huế ấy là ranh giới tự nhiên giữa huyện Phong Điền (Thừa Thiên Huế) và huyện Hải Lăng (Quảng Trị). Con sông dùng dằng chảy miên man giữa vùng trũng thấp, ngày đêm lặng lẽ chở nặng phù sa bồi đắp cho đôi bờ màu mỡ, để những nương khoai nương sắn mọc lên giữa mảnh đất miền Trung vốn cần cỗi mưa nắng. Những khu nhà vườn xanh mướt cây trái bốn mùa ở làng cổ Phước Tích là minh chứng cho sự bền bỉ, một lòng sắt son của dòng sông với đất mẹ Phong Điền. Sau khi trút bỏ phù sa cho đôi bờ thương nhớ, dâng hiến hết thảy những gì tinh tuý nhất, như lòng người nhẹ gánh tương tư, dòng nước thênh thang xuôi về phá Tam Giang, đổ ra cửa Lác rồi hoà mình vào biển cả bao la. Sông biết biển mặn, sông biết biển mênh mông, nhưng cũng phải trầm mình vào biển khơi, bởi đó là phận của sông.



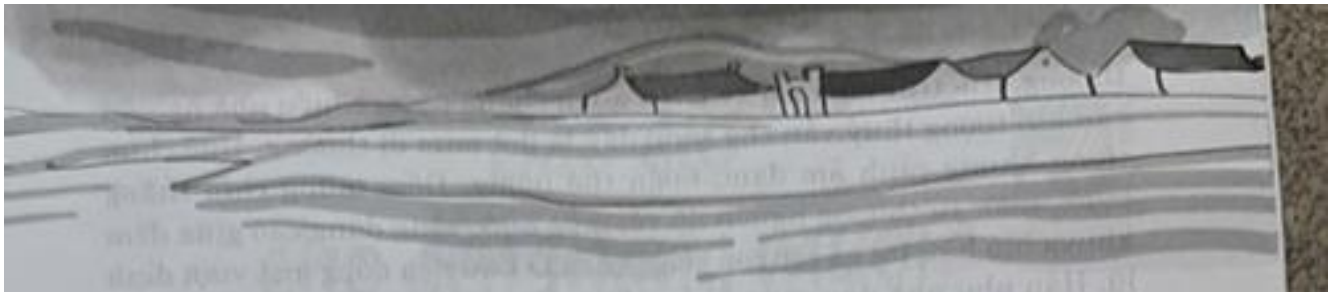


Sông Ô Lâu của tôi khoác lên mình một dáng vẻ buồn man mác, một nỗi buồn thẳm sâu và kín đáo như tính cách của người Huế bao đời. Tụi trẻ con chúng tôi ngày còn nhỏ đã nghe ông mệ kể về câu chuyện tình buồn gắn với dòng Ô Lâu. Mối tình lỡ làng của chàng học trò nghèo và cô lái đò bên bến sông Ô Lâu. Chàng học trò nghèo trên đường vào kinh đô dự thi, dừng lại bên bến sông vì bệnh và đói, cô gái lái đò thương tình đưa về nhà săn sóc. Chàng học trò và cô gái đem lòng thương nhau, mơ giấc vợ chồng thuỷ chung đến răng long đầu bạc. Bệnh tình thuyên giảm, chàng lên đường ứng thí, gửi trao lại cô gái lời hẹn ngày về. Khi công thành danh toại, chàng về bên con sông tìm cô gái, thì mới hay tin cô đã trở gót thiên di về cõi ngàn thương. Ngồi bên nấm mộ, nước mắt chàng mặn đắng, nhỏ lệ khóc than:

Trăm năm dù lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò vẫn đưa
Cây đa bến cũ còn lưa
Con đò đã thác năm xưa mô rồi

Những câu thơ buồn thương ấy được con nước Ô Lâu ôm trọn, mối tình manh nha ấy được dòng sông lưu dấu, mãi mãi và vẹn nguyên.

Năm tháng tuổi thơ tôi êm đềm như những ngọn gió thênh thang thổi qua sông, như dòng nước Ô Lâu vẫn lặng lẽ bồi đắp cho những khu nhà vườn hai bên bờ sông. Ngọn gió dữ thổi qua sông cũng hoá ngọn gió lành, nước thượng nguồn đổ về có dữ dội bởi thác ghềnh cũng êm dịu lại khi qua dòng Ô Lâu. Chiều chiều, nắng cúi đầu ngả dần về phía bên kia ngọn đồi hướng tây, đám trẻ trong xóm làng miền Trung tan học. Chúng tôi tung tăng đạp xe trên con đường làng, đến bến sông thì dừng lại rồi chạy ào xuống tắm. Đứng trên bờ, co chân nhảy xuống



sông, như thể tôi đang sà vào lòng mẹ. Cả một khúc sông vang vọng tiếng nói cười của đám trẻ hiền hậu. Những tia nắng nhạt cuối ngày chan lên mặt sông, rọi lên những nụ cười trẻ thơ thật thà và ngây dại. Trong mắt của chúng tôi, nắng chiều hôm ấy thật rạng rỡ và tươi tắn. Tâm hồn của chúng tôi lúc ấy chẳng có gì ngoài sự hồn nhiên trong trắng. Và sông cũng như những đứa trẻ, chẳng có gì ngoài nghĩa tình. Những đứa trẻ sẽ lớn lên, sẽ có thêm những đức tính mà cuộc đời mài dũa và hun đúc. Nhưng sông thì khác. Sông đã chảy từ thuở hồng hoang, tấm lòng nghĩa tình ấy vẫn vẹn nguyên với mảnh đất ruột thịt mà nó gắn bó.

Mùa hạ ở miền Trung nắng rát da bỏng thịt, gió Lào vắt kiệt sức những người đàn bà quê tôi đang cần mẫn trên cánh đồng khô nứt nẻ khát giọt phù sa. Chiều muộn, nắng héo tàn, gió Lào thôi thổi, tôi đạp xe chậm rãi trên con đường chạy dọc theo bờ sông. Tôi dừng lại ở bến đò Eo, lặng nhìn bóng lưng mệ chèo đò đưa học trò sang sông. Bến đò Eo nối ân tình của thôn Câu Hạ (Quảng Trị) với xã Phong Hoà (Thừa Thiên Huế). Mệ đội nón lá lúp xúp, nhịp nhàng khua mái chèo, sóng nước lăn tăn vỗ mạn đò, nước sông sánh rẽ thành đôi dòng, nhưng rồi lại hoà vào làm một, như thể nước chẳng nỡ rời xa nhau.

Chẳng ai biết bến đò Eo có từ khi nào, chỉ biết rằng mệ chèo đò đã miệt mài chở người sang sông tận mấy thập kỉ dông dài mà chẳng quản ngại nắng mưa. "Mệ chở học trò sang sông mà không lấy đồng mô thì lấy chi mà lo toan cho cuộc sống ni?". Mệ nhìn mặt sông gợn sóng, tay phe phẩy nón lá, cười hiền lành mà chẳng nói chi. Nụ cười móm mém ấy cũng như nước Ô Lâu, vừa hiền hoà vừa chồng chất bao điều khó tỏ bày. Đò vẫn lênh đênh theo nhịp chèo. Con đò xé màn sương sớm. Con đò nặng nề giữa những trưa mùa hạ. Con đò âm thầm những buổi hoàng hôn. Con đò buốt giá những ngày đông. Như một quy luật ai đã đặt ra: Sông vẫn chảy thì đò vẫn đi, người còn thương thì người còn chèo.

Ô Lâu của tôi lành lắm, nhưng đôi khi trở mình đến đau xót ruột gan. Người quê tôi làm sao quên được trận "đại hồng thuỷ" năm 2020. Lòng sông lặng lẽ ôm phù sa sau hơn hai thập kỉ (tính từ cơn lũ lụt lịch sử năm 1999) im ắng, sông quận mình "trở dạ". Mấy ngày trước tang

thương, trời trút mưa xối xả triền miên chẳng ngớt. Nhiều nhà nghiên cứu khí tượng thuỷ văn cho rằng đây là đợt mưa dị thường. Huế chìm trong khung cảnh ảm đạm, buồn thê lương. Đêm mùng chín tháng mười, nước từ thượng nguồn đổ về, mực nước sông dâng cao giữa đêm khuya hiu hắt, tất cả các con sông kể cả Ô Lâu đều đồng loạt vượt đỉnh lũ. Hầu như nhà nào cũng không kịp trở tay. Sáng mùng mười tháng mười, Huế chìm trong biển nước mênh mông, mực nước sông Ô Lâu vượt cao đến 3,93m.

Những mái nhà chơi vơi giữa bềnh bồng sóng nước, những tiếng kêu cứu khàn cổ rát họng hoà bên tiếng mưa rơi nghe thống thiết thấu tận trời cao. Đâu đây trong tiếng não nùng của đất trời, trong cơn giận dữ của sông, có tiếng khóc buồn thương, ai oán như một điệu hò Nam Ai từ xa xôi vọng lại. Tôi tự hỏi lòng, đến khi nào những nỗi đau mới thôi bủa vây người dân quê tôi, giọt nước mắt cay xé lòng thôi nhỏ lệ khóc than.

Cơn lụt năm ấy, cả nhà tôi bắc thang lên tra ngồi. Từ trên cao nhìn xuống, bao đồ vật mà ba mạ tích luỹ dành dụm để sắm sửa giờ trôi nổi lềnh bềnh, mấy bồ lúa ngâm trong nước, và những trang sách của tôi ướt mèm nước bạc, tất cả bỗng hoá mơ hồ và vô định. Nhìn ra xa xăm xóm làng, vạn vật chìm trong biển nước. Chỉ những mái nhà xác xơ nhô lên, kiên cường, mạnh mẽ đến lạ thường. Qua lụt, sông trở về với bản chất đôn hậu và hiền lành vốn có.

Tôi lớn lên nhờ những bữa cơm quê của mạ, uống nước sông quê, và hơn hết là nhờ tình người bên dòng Ô Lâu. Tôi mang ơn ba mạ, mang ơn dòng sông quê hương mình. Cố nhiên, một kiếp người trần ai nào có thể trả hết món nợ ân nghĩa ấy. Với những đứa trẻ sinh ra và lớn lên ở xóm nghèo bên dòng Ô Lâu, lòng luôn dặn lòng phải học thật giỏi, để ngày về đưa quê thoát nghèo. Bởi, một chữ "nghèo" với người xứ tôi mênh mông như nước mùa lũ. Thành công là cách duy nhất để trả nợ dòng sông...

Mạ tôi hay nói: "Mai ni con lớn, gối mỏi chân mòn cũng sẽ muốn được về với Huế". Tôi cười vì chẳng hiểu mạ nói gì, nhưng bây chừ, tôi đã mường tượng được khoảnh khắc hoài vọng ấy. Có lẽ một mai, khi tôi đã đi qua quãng đời thanh tân theo nhịp cơ cầu miên viễn làm thân lữ khách, gối mỏi chân mòn sẽ muốn được về lại Huế. Tôi về gối đầu lên ngọn núi Truồi hùng vĩ, xuôi tay về phá Tam Giang rộng lớn bao la, lúc ấy, trái tim tôi sẽ nằm giữa dòng Ô Lâu. Trái tim tôi có khát khô không, Ô Lâu khi mô mới cạn? Ô Lâu sẽ cạn khi con người bên đôi bờ hiền hoà hết thương nhau.

Bao giờ cho đến tháng mười?



Ngô Minh Thư
Lớp 11V1, THPT Chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định

Mười đến gõ cửa lòng tôi, đặt lên đôi vai mềm một cái chạm nhẹ nhàng vào một ngày cuối thu đầu đông. Thật bất ngờ, không một lời dự báo, tưởng như mới hôm nào còn hạ nồng rực lửa, lòng tôi còn cháy những khát khao, mong tháng mười đến mang về đây cơn gió đầu mùa lạnh và một chút tâm tình...

Bao giờ cho đến tháng mười? Đó là mùa lúa chín *"Thổi nồi cơm nếp vừa cười vừa ăn"* trong những bài ca dao mẹ tôi thường hay đọc. Người xưa chờ tháng mười là để mang mùa cơm nếp về cho nụ cười được tự do mà toả rạng trên bờ môi. Phải chăng chỉ đến khi đầy đủ về vật chất, tâm hồn người mới có thể bình yên, trái tim người mới thực lòng rung động? Tháng mười cũng là dịp mong chờ của đám trẻ chúng tôi hướng đến những ngày vui (Ngày Phụ nữ hay Lễ hội hoá trang Halloween chẳng hạn)... Người trẻ mong tháng mười, âu cũng vì thấy đời mình đang sống nhàm chán và bộn bề quá, biết lấy gì làm vui, chỉ đến tháng mười, cảm xúc mới có dịp thăng hoa theo những bữa tiệc đa bản sắc. Tháng mười dường thế, là nữ tiên mộng ước để nhân gian làm chốn gửi lòng tỏ mộng, làm nơi để tin vào một thay đổi lớn lao trong đời, một ngày mà người ta sẽ hạnh phúc hơn hôm nay, vui vẻ hơn hôm nay, một ngày đặc biệt để sống thực là sống.

Bao giờ cho đến tháng mười? Liệu những người mẹ có thầm nghĩ đến câu nói ấy khi tháng mười về, mang theo một ngày đặc biệt dành riêng cho họ? Với mẹ tôi, tâm hồn dường như đã chẳng còn chỗ để ôm

trọn những nỗi trăn trở nhỏ nhoi đó nữa. Sinh nhật của mẹ, có lẽ mẹ cũng quên vì cuộc sống bộn bề lo toan. Tôi tự hỏi, có những người đã dành cả ba trăm sáu mươi lăm ngày cho chúng ta, nhiều đến mức quên mất cả bản thân mình, và cũng chẳng mong một ngày nào để được tri ân. Còn ta, ta nhận được sự yêu thương, che chở ấy suốt ba trăm sáu mươi lăm ngày, chẳng lẽ lại chỉ chờ đợi một ngày duy nhất để báo đáp họ? Một ngày sao có thể sánh với công ơn to lớn như trời biển? Mà một ngày ấy, đôi khi lại là một khoảnh khắc mong manh trong hai chữ "bao giờ" xa xăm và đầy tiếc nuối. Liệu có quá muộn so với bước đi không ngừng của thời gian – khi những sợi tóc bạc cứ thêm mỗi ngày trên mái đầu của mẹ cha, kèm theo những dấu hiệu không mấy khả quan, báo hiệu thời gian của họ ở trần thế chẳng còn bao lâu? Tôi biết, có những người đợi mãi đến "tháng mười" để tri ân, nhưng rồi vĩnh viễn chẳng còn cơ hội để mua cho mẹ một chiếc áo mới, nấu cho cha một bữa ăn ngon, hay chăm sóc họ những ngày cuối đời. Đến khi tháng mười đến hay không cũng chẳng còn quan trọng nữa, chỉ còn lại những nỗi tiếc thương đè nặng trong dòng nước mắt, và trên ngực là bông hoa hồng trắng trĩu nặng bi ai.

Điều gì sẽ xảy ra nếu tháng mười chẳng bao giờ đến? Liệu những ngày còn lại của cuộc đời ta sẽ chỉ là chuỗi ngày mòn mỏi – không hạnh phúc, không biết ơn và không yêu thương? Cuộc đời đã dạy tôi rằng: Không có dự báo nào chính xác về thứ gọi là thời gian. Nếu ta cứ mải mê đắm chìm trong giấc mộng của nàng tiên hi vọng, mong chờ một ngày đặc biệt nào đó, ta sẽ bỏ lỡ rất nhiều điều trong cuộc sống. Và có những điều, một khi đã qua đi, sẽ chẳng bao giờ có thể quay trở lại... Mùa lúa đâu chỉ thu hoạch vào tháng mười, và hạnh phúc đâu phải chỉ tìm thấy trước mâm cơm nếp, trong những bộ y phục lộng lẫy hay giữa ánh vàng kim chốn xa hoa lộng lẫy! Cuộc đời là do ta tự vẽ nên, hạnh phúc là do ta tự tô điểm! Phúc tại tâm – tâm an thì mới có thể cảm nhận cuộc đời, mới biết trân trọng và yêu thương những điều bình dị, gần gũi quanh mình. Bữa cơm mẹ nấu hôm nay, dù ngon hay dở, cũng chẳng ai biết đến ngày nào đó sẽ không còn cơ hội thưởng thức nữa. Tiếng nói của mẹ hôm nay, dù dịu dàng hay nghiêm nghị với những "bài ca muôn thuở", có thể mai này, khi ta trưởng thành và vấp ngã, ta sẽ khao khát nghe lại âm thanh ấy để được an ủi, vỗ về. Nhưng khi đó, điều đáp lại ta chỉ còn là bóng đêm và khoảng không tĩnh lặng...

Tháng mười đến với tôi, với bạn. Mười đẹp lắm, nhưng chính khoảnh khắc này còn đáng quý hơn nhiều!



Khu vườn xanh miền kí ức

Trần Văn Thiên
71/48 Cộng Hoà, Phường 4,
Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Những lần về với ngoại, trong ngôi nhà ấm cúng đượm mùi thời gian, tôi thường ngồi thật lâu bên ô cửa sổ hướng ra khu vườn. Chỉ cần mở cánh cửa gỗ bện dày dấu vết nắng mưa, một màu xanh êm ả sẽ ngập đầy ánh mắt, ngay ngoài kia là thiên đường của quãng đời ấu thơ. Cây mận già ra quả trĩu cành, qua một đêm nghe gió khua trên mái nhà sẽ thấy những quả mận rơi đầy quanh gốc. Hàng ổi ven khe nước vươn nhánh phủ loà xoà, ủ đầy túi gió, mùi quả chín ngát nồng ngọt lịm. Rặng trúc đào trổ hoa rợp hồng mảnh trời trong trẻo, khẽ xao động bởi những con ong hút mật nắng, phết vàng đôi cánh...

Ngày xưa, ngoại cũng hay ngồi sau ô cửa này, âu yếm và hiền từ nhìn đám trẻ chúng tôi len lỏi dưới những tán cây. Chúng tôi tựa như một bầy chim mới ra ràng, bao giờ cũng háo hức, reo vui suốt những trò chơi ấu thơ ngỗ không hồi kết. Ngoại hay rót một cốc nước ấm từ chiếc bình thuỷ cũ càng thân thuộc, đặt trên bệ cửa để vừa uống vừa lặng lẽ trông theo những đứa cháu bé bỏng của mình.

Ngoại sợ chúng tôi mải chơi rồi không may trượt ngã, thỉnh thoảng lại ân cần nhắc chúng tôi chớ nên nghịch ngợm leo cành cây cao, hay phải biết nhường nhịn, sẻ chia cùng nhau, không được hơn thua, giận dỗi. Những quả bánh ngoại để dành cho chúng tôi luôn mang một vị riêng khác, đó là vị của tình thương âm thầm và giản dị. Từ quả ổi, quả xoài đến những tờ tiền lẻ, lúc nào ngoại cũng chắt chiu nghĩ về

đàn cháu ngây thơ. Dường như luôn có một ngọn lửa ấm được nhóm lên từ tất cả những gì thuộc về ngoại – ánh nhìn, giọng nói, cử chỉ, mùi hương, khiến đàn cháu bao giờ cũng cảm thấy an lòng trong khoảng trời của ngoại. Nhẫn nại và ôn hoà, ngoại luôn lắng nghe từng tiếng lòng non nớt thơ trẻ, lặng thầm thắp lên giữa tâm hồn chúng tôi những vì sao biết hát bằng một trái tim từng trải, vững vàng.

Trong khu vườn của ngoại, chúng tôi cùng thấp thỏm đợi từng mùa quả chín, nhặt hoa rụng kết thành vòng đeo cổ, vạch lá tìm trái dâu tằm mọng tím ở hàng giậu, làm đám ma cho chú sẻ nhỏ tội nghiệp nơi góc vườn... Cũng từ bao buổi trưa, chúng tôi trốn ngủ mà những chùm ổi chằng chịt dấu móng tay, những cánh diều vút bay từ tập vở học trò, những vạt áo loang lổ vết nhựa cây bám chặt. Dẫu lớn lên giữa thiếu hụt khốn khó, nhưng tôi luôn mang ơn khu vườn tuổi nhỏ, đã dung dưỡng và lấp đầy tâm hồn thơ bé bằng vô vàn yêu thương thuần khiết, trong veo, cùng bao vẻ đẹp nguyên sơ không thể nào thay thế.

Giống như ngoại tôi, những người ông, người bà ở quê thường hết lòng vun vén, giữ màu xanh êm ả cho khu vườn của mình, kiên nhẫn đợi con cháu trở về sau dặm dài xuôi ngược mưu sinh. Cần mẫn trồng những gốc cây quanh nhà, ông bà mong con cháu trở về có bóng mát an lành để náu nương, có quả ngọt để nhấm nháp vị quê kiểng chân phương mà đằm sâu tình nghĩa. Dẫu đời sống vốn đầy biến động, ông bà vẫn tận tuỵ giữ lại mảnh vườn rợp bóng tháng năm, trĩu trịt quả chín và ngát thơm hoa cỏ, cũng chính là nơi ông bà thầm gửi nỗi nhớ mong con cháu đêm ngày. Từng thế hệ lớn lên sẽ được khu vườn cất giữ mảnh trời ấu thơ hồn nhiên, gần gũi với đất trời, dưới những tán cây thâm trầm ngả bóng vào kí ức.

Dù thành bại, được mất, dù thong dong hay lận đận giữa chợ đời đầy toan tính, thì vẫn còn một nơi chốn bao dung để cháu con quay về, buông hết gánh âu sầu trĩu nặng, hoà vào những chuyến đi thật sâu vào mênh mông tâm tưởng. Để dù có thế nào, ta cũng phải giữ mình sống tử tế và thiện lương giữa đời này. Có lẽ ông bà không mong cầu ở cháu con của mình điều gì nhiều hơn thế.

Ngoại tôi bây giờ nhớ quên nhoà lẫn, đôi mắt đã không còn nhìn thấy cháu con. Ấy thế mà ngoại vẫn nhận ra giọng tôi, bàn tay ấm áp nắm chặt bàn tay tôi, người hiền lành nói khẽ: "Con về thăm ngoại đấy à!" Ngay lúc đó, tôi như nghe thấy những tiếng gọi tha thiết của nguồn cội, cũng là lúc thảng thốt nhận ra bao hữu hạn đời người. Tôi cúi xuống hôn lên hai bờ má của ngoại, cay mắt nhìn ra mảnh sân trước, nơi đó khu vườn như đang gối đầu lên bảng lảng bóng thời gian...

Trải nghiệm về quê, bán trái cây

Nguyễn Khánh Hà
Lớp 6/5, THCS Lý Tự Trọng, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng

ĐỀ BÀI: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

BÀI LÀM

Cuối thu, bầu trời rải những tia nắng vàng trên từng góc đường. Tôi chầm chậm bước đi trên con đường Hoàng Sa lộng gió. Không khí mát mẻ, dễ chịu lúc này bất chợt khiến tâm trí tôi ùa về một trải nghiệm vui đã xảy ra cách đây hơn hai năm. Lần ấy, tôi đã có chuyến về quê Hà Tĩnh đầu tiên trong đời và được đóng vai người bán hàng nơi chợ quê. Thời gian đã qua lâu nhưng niềm vui thích mà trải nghiệm ấy mang lại vẫn vẹn nguyên trong tôi.

Sau một hành trình dài hơn năm trăm ki-lô-mét, tôi đã được đặt chân đến quê nội mà bấy lâu vẫn ao ước. Bước vào nhà ông bà, đập vào mắt tôi đầu tiên là khu vườn rộng với biết bao cây trái. Luống rau cải xanh mướt cùng những cây trái như ổi, chanh, cam, lúc lỉu quả khiến tôi mê mải nhìn không rời mắt.

Dạo một vòng quanh vườn, tôi trở lại trước sân và thấy bà ngoại đang chuẩn bị đẩy xe ra chợ với hai sọt cam đầy, vàng ươm. Biết tôi muốn đi chợ nhưng chưa dám ngỏ lời xin, bà liền bảo tôi nếu không mệt thì theo bà ra chợ! Được bà đồng ý, thế là tôi nhanh chóng xách một chiếc giỏ nho nhỏ lẽo đẽo theo chân bà. Vì chợ không quá xa nhà nên hai bà cháu tôi, người đẩy xe, người lon ton chạy bộ phía sau. Hai sọt cam vun đầy, phải nặng tới năm chục ki-lô-gam, lại phải đẩy đi trên con đường lởm chởm, khi ổ gà, khi vài ụ đá. Vậy mà bà vẫn cứ phăng phăng, không kêu ca gì cả, khiến tôi rất cảm phục.

Sau mười lăm phút, hai bà cháu tôi đã có mặt ở chợ, ngay khu vực dành riêng cho hàng loạt những loại quả ngon. Nào bưởi, cam, ổi, lại còn có mía... được chất thành đống khiến tôi loá mắt, thích thú vô cùng. Tôi cùng bà đã chọn chỗ thích hợp để ngồi bán, một góc ngay cạnh cô bán mía ở phía bờ tây. Dòng người tấp nập xô bồ, qua lại, tiếng hỏi mua, tiếng rao hàng rộn ràng, huyên náo khiến tôi có chút lạ lẫm. Thì ra chợ

quê là thế, đủ các loại mặt hàng nông sản, thức nào cũng tươi xanh, mơn mởn, ngon lành. Tôi phụ bà trải tấm bạt ra và dỡ cam xuống để bày biện ra bán. Thấy mấy cô bán bưởi, bán ổi có giọng rao rất khoẻ và người mua bán liên tục, tôi thỏ thẻ hỏi bà có cần phải rao không. Thấy vậy, bà bảo rao, rao được thì rất tốt, người ta sẽ chú ý hàng của mình hơn. Thế là, lấy hết dũng cảm, tôi học theo họ và cất tiếng mời chào thật to:

– Con mời cô, các bác mua cam ạ! Mua cam cho bà cháu cô bác ơi!

– Cam ngon đây! Cam ngon đây! Mời các cô các bác ạ!

Với niềm tin rằng giọng rao của cô bé đến từ Đà Nẵng sẽ tạo sự mới lạ thu hút khách, tôi cố cất tiếng thật to, ánh mắt vui vẻ, lấp lánh mời chào. Nhìn thấy tôi như vậy, bà bật cười khen tôi giỏi. Được khen, tôi lại càng phấn khởi "cất giọng" liên tục và to hơn. Và thật thú vị làm sao, chỉ sau năm phút, vị khách hàng đầu tiên của bà cháu tôi đã xuất hiện với đơn đặt hàng tận mười kí. Theo sự hướng dẫn của bà, tôi nhanh chóng chọn những quả ngon bỏ vào túi cho vị khách mở hàng may mắn, không quên kèm theo lời cảm ơn.

Những quả cam vỏ mỏng, mọng nước, thơm vị thơm rất đặc trưng đã đến được với vị khách đầu tiên khiến tôi thêm phần hân hoan. Một cảm giác vui vẻ, hạnh phúc đã lan toả trong lòng tôi. Tôi đã trộm nghĩ, bán hàng ở chợ thật đơn giản, mới có chút xíu thời gian đã bán được một phần năm rồi, thì chẳng mấy chốc mà bà cháu tôi sẽ hết hàng. Nhưng cuộc đời không như là mơ, sau lượt khách đầu tiên thì phải tận ba bốn mươi phút sau bà cháu tôi mới có những người khách tiếp theo, là những bạn hàng quen của bà. Những dòng người lướt qua, người dừng lại nhìn ngó, người vào xem rồi quay ra. Nhưng tôi để ý với bất kì ai, dù họ mua hay không, bà tôi cũng vô cùng niềm nở, xởi lởi. Có lẽ, cũng chính vì thế mà sau đó vài tiếng, thì bà cháu tôi đã bán hết số cam mang đi. Tôi dọn dẹp chỗ ngồi, rồi vào trong chợ mua một số đồ rồi trở về nhà trên con đường quê yên ả, thanh bình.Về đến nhà, thật bất ngờ, bà đã đưa cho tôi một cái kẹp nơ rất xinh:

– Đây là phần thưởng cho cô nông dân nhỏ của bà đấy nhé!

Tôi rất vui vì được nhận món quà động viên đầy ý nghĩa ấy.

Trải nghiệm thú vị này, chắc chắn khắc sâu vào tâm trí tôi mãi mãi, sẽ chẳng bao giờ phai mờ theo tháng năm. Trải nghiệm ấy giúp tôi thêm yêu quê hương, biết trân trọng những thành quả của người nông dân, và những vất vả khó nhọc. Tôi cũng học được cách ứng xử niềm nở, vui tươi; học được cách tự tin, mạnh dạn, dám thử và trải nghiệm với nhiều điều mới lạ thú vị. Tôi nhận ra, mọi trải nghiệm sẽ giúp ta lớn khôn, trưởng thành hơn.

Thói khoe khoang của con người trong xã hội hiện đại

ĐỀ BÀI: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về thói khoe khoang của con người trong xã hội hiện đại.

BÀI LÀM



1. Trong xã hội hiện đại, tri thức và quan hệ xã hội trở thành hai yếu tố quan trọng mà nhiều người sử dụng để định hình giá trị bản thân. Tuy nhiên, có một thói xấu đang dần len lỏi vào cách ứng xử của không ít người: thói khoe khoang. Khoe khoang là thích phô bày, thể hiện những gì bản thân đang sở hữu. Đó có thể là khối tài sản kếch sù, hàng hiệu, trang sức, hay điểm số, bằng cấp,... Người có tính khoe khoang thường thích phô trương để được mọi người chú ý đến. Khi sự hiểu biết của một người chỉ là một phần nhỏ trong biển kiến thức vô tận, việc khoe khoang về tri thức và quan hệ không chỉ thể hiện sự thiếu khiêm tốn mà còn tạo ra những ấn tượng xấu với người xung quanh. Thói khoe khoang không chỉ làm mất đi sự tôn trọng của người khác mà còn khiến bản thân người khoe khoang trở nên kém duyên và thiếu tự tin thực sự. Để hiểu rõ hơn về thói xấu này, hãy cùng nhìn vào những tình huống thực tế và hậu quả mà nó mang lại. Chẳng hạn như một học sinh trung học ở Hải Phòng đã khoe bảng điểm giả trên Facebook để được sự ngưỡng mộ của bạn bè và người thân. Tuy nhiên, sự thật bị phát hiện khi giáo viên của trường thấy các điểm số không khớp với hồ sơ chính thức, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng cho tương lai học tập của bạn ấy. Điều này cho thấy việc khoe khoang không chỉ làm mất đi sự trung thực và uy tín mà còn có thể gây hại lớn cho bản thân. Việc khoe khoang còn thể hiện qua việc tự hào về các mối quan hệ xã hội. Bạn có thể tự

hào rằng mình quen biết một người nổi tiếng nào đó và luôn hết lời ca ngợi về họ để chứng tỏ đẳng cấp. Tuy nhiên, nếu người đối diện biết rõ về người đó, cả mặt tốt và xấu, bạn sẽ bị đánh giá là thiếu hiểu biết và không thành thật. Thay vì cố gắng chứng minh đẳng cấp qua việc khoe khoang, bạn nên tập trung vào những giá trị thực sự của bản thân. Sự khiêm tốn và chân thành sẽ giúp bạn xây dựng được những mối quan hệ bền vững và đáng tin cậy hơn.

Lê Hoàng Trí Hân

Lớp 8A5, THCS Lý Tự Trọng, TP. Lào Cai, Lào Cai

2. Khoe khoang là một thói xấu, việc khoe khoang không chỉ dừng lại ở kiến thức hay quan hệ xã hội, mà còn lan rộng đến việc khoe tài sản và cuộc sống xa hoa. Vậy khoe khoang là gì? Khoe khoang là hành động hoặc thái độ tự ý thể hiện, phô trương những thành tựu, tài năng, hoặc sở hữu của bản thân nhằm thu hút sự chú ý, khen ngợi hoặc tán dương từ người khác. Thường thì việc khoe khoang được xem là một cách để thể hiện sự tự mãn hoặc kiêu ngạo, và có thể gây cảm giác không thoải mái cho những người xung quanh. Và hiện tượng "flexing" trên mạng xã hội ngày càng phổ biến là một ví dụ điển hình. Nhiều người dùng Instagram và Facebook đăng tải hình ảnh về tài sản cá nhân như xe hơi đắt tiền, đồ hiệu hay du lịch sang trọng. Những người nổi tiếng hoặc các influencer trên mạng xã hội thường khoe khoang về cuộc sống xa hoa của họ, tạo nên áp lực và sự ganh đua không cần thiết trong cộng đồng người theo dõi. Điều này không chỉ gây ra sự ganh tị mà còn có thể dẫn đến những hành động tiêu cực, ảnh hưởng đến tâm lí và hành vi của người khác. Một ví dụ nổi bật là Anna Sorokin, nổi tiếng với cái tên Anna Delvey. Cô đã giả danh là một người thừa kế giàu có để xâm nhập vào giới thượng lưu New York. Sorokin khoe khoang về tài sản và lối sống xa hoa của mình, lừa đảo các khách sạn, nhà hàng và bạn bè để sống một cuộc sống xa hoa mà cô không có khả năng chi trả. Cuối cùng, sự lừa dối và khoe khoang của cô đã bị phơi bày, dẫn đến việc cô bị kết án và ngồi tù. Sự việc này là một bài học đắt giá về hậu quả của thói khoe khoang. Khoe khoang không chỉ làm mất đi sự tôn trọng của người khác mà còn có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về mặt pháp lí và xã hội. Vậy nên, hãy sống chân thật, khiêm tốn và luôn tôn trọng người khác. Sự khiêm tốn không chỉ giúp bạn xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp hơn mà còn tạo nên sự bền vững trong cuộc sống và công việc.

Nguyễn Vân Khánh

Lớp 8A5, THCS Lý Tự Trọng, TP. Lào Cai, Lào Cai

Tuổi trẻ như một cơn mưa rào...

Trần Thị Thảo Mi
Lớp 9A1, THCS – THPT Phan Văn Đáng, H. Vũng Liêm, Vĩnh Long

ĐỀ BÀI: "Tuổi trẻ giống như một cơn mưa rào. Cho dù bạn từng bị cảm lạnh vì tắm mưa, bạn vẫn muốn được đắm mình trong cơn mưa ấy một lần nữa" (*You're the apple of my eyes*). Suy nghĩ của anh/chị về nhận định trên.

BÀI LÀM

"Tuổi trẻ giống như một cơn mưa rào. Cho dù bạn từng bị cảm lạnh vì tắm mưa, bạn vẫn muốn được đắm mình trong cơn mưa ấy một lần nữa" (*You're the apple of my eyes*). Câu nói gợi lên trong lòng chúng ta những kỉ niệm về quãng thời gian tươi đẹp nhất của cuộc đời. Khi ấy, chúng ta sống với tất cả nhiệt huyết, đam mê, chẳng sợ thử thách, chẳng ngại vấp ngã. Tuổi trẻ tựa như "cơn mưa rào" bất chợt, vội vã đến nhưng cũng vội vã qua đi, để lại sự tiếc nuối và những kí ức chẳng thể quên. Và dù đã trải qua những cơn "cảm lạnh" của cuộc đời, hẳn ai trong chúng ta cũng mong được một lần nữa đắm mình trong cơn mưa ấy, trong những khát vọng và trải nghiệm không bao giờ trở lại.

Tuổi trẻ là khoảng thời gian quý giá nhất của cuộc đời. Bởi ta có rất nhiều sức khoẻ và thời gian để thực hiện những dự định của bản thân. Chính vì lẽ đó, tuổi trẻ là lúc chúng ta dám mơ ước, dám sống và yêu hết mình. Sức trẻ mang lại cho chúng ta sự nhiệt huyết, thúc giục chúng ta không ngừng khám phá và vượt qua giới hạn của bản thân. Đó là những năm tháng mà ta sống với lòng can đảm, không sợ thất bại, sẵn sàng đối mặt với mọi thử thách lớn lao để định hình bản thân và xây dựng tương lai.

Thế nhưng, tuổi trẻ cũng giống như một cơn mưa rào, bất chợt đến và cũng nhanh chóng vội qua. Trận mưa ấy, với những hạt mưa nặng trĩu và dày đặc, không chỉ mang đến cho chúng ta niềm vui, mà đôi khi, nó còn khiến ta "bị cảm lạnh" vì những mất mát, những nỗi đau của vấp ngã và thất bại, hay những thử thách ngáng trở. Sau tất cả, ta biết đứng lên để có một cuộc đời ý nghĩa. Như câu chuyện về ông

Honda Shoichiro – người sáng lập hãng xe Honda nổi tiếng. Ông có một tuổi trẻ đầy vất vả, xuất thân trong một gia đình nghèo khó và phải đi làm từ khi 16 tuổi. Những năm tháng học việc tại một tiệm sửa chữa xe ô tô tại thủ đô Tokyo đã cho ông nhiều trải nghiệm và bài học quý báu, trở thành bước đệm để ông thành lập hãng xe Honda nổi tiếng như ngày nay. Dù trải qua không ít khó khăn, tuổi trẻ ấy vẫn là quãng thời gian quý giá với ông, bởi ông đã sống hết mình với đam mê và ý chí, nghị lực.

Tuổi trẻ, dù đẹp đẽ nhưng ngắn ngủi, không thể kéo dài mãi mãi. Rất nhanh thôi, chúng ta sẽ phải đối mặt với những ngã rẽ quan trọng của cuộc đời, trưởng thành và bước vào cuộc đời rộng lớn. Nhưng, những kí ức về tuổi trẻ thì mãi mãi khắc sâu trong tim. Đó là những năm tháng khi ta có thể sống hết mình mà không cần lo âu, khi ta được phép sai lầm để rồi học hỏi và trưởng thành hơn. Và câu chuyện của Châu Bùi, một fashionista nổi tiếng của Việt Nam cũng cho ta thấy điều đó. Từ khi 17 tuổi, cô đã bắt đầu làm gia sư để kiếm tiền và đến 18 tuổi, cô dũng cảm bước chân vào lĩnh vực thời trang đầy thách thức. Với niềm đam mê mãnh liệt và sự quyết tâm, Châu Bùi đã đạt được nhiều thành công và trở thành biểu tượng thời trang của giới trẻ. Cô từng chia sẻ "Tuổi trẻ có hai thứ rất nhiều, đó là năng lượng và thời gian. Năng lượng đó rất quan trọng và việc đặt năng lượng vào đâu lại càng quan trọng". Tuổi trẻ Châu Bùi đúng là: đúng thì đi tiếp, sai thì làm lại.

Nhưng như vậy, không có nghĩa là chúng ta được lấy cái cớ "tuổi trẻ" để sai lầm, để biện minh cho thất bại của bản thân. Và cũng thật buồn sao, khi vẫn có một bộ phận các bạn trẻ lại cứ ngỡ tuổi thanh xuân là mãi mãi, họ từ tốn làm những việc cần làm và vội vã tiêu xài nhiệt huyết vào những điều không đáng. Họ tự cho mình làm những điều được gọi là "đặc quyền của tuổi trẻ" và dùng nó để minh chứng hoặc biện hộ cho những thành công hay thất bại của mình.

Nhà thơ Xuân Diệu trong bài thơ *Vội vàng* đã từng viết: *"Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn/ Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại"*. Quả thật, tuổi trẻ cho phép ta vấp ngã để trưởng thành, nhưng tuổi trẻ chỉ đến một lần trong đời, và nếu chúng ta không biết trân trọng nó, sẽ chẳng bao giờ có cơ hội thứ hai để sửa chữa những sai lầm. Vì thế, hãy sống với tất cả đam mê, hãy tận hưởng từng khoảnh khắc của tuổi trẻ, để sau này khi nhìn lại, chúng ta sẽ mỉm cười với những kỉ niệm, những vấp ngã và cả những thành công mà tuổi trẻ đã mang lại. Và tuổi trẻ cứ như một cơn mưa rào, để rồi người ta cứ muốn tắm dưới những cơn mưa ấy mãi....

Liên: đứa trẻ - người lớn

Nguyễn Thị Khánh Linh
Lớp 11A1, THPT Lê Hồng Phong, H. Ba Đồn, Quảng Bình

ĐỀ BÀI: Viết một bài văn trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật Liên trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

BÀI LÀM

Thạch Lam được biết đến với lối văn trong sáng, giản dị mà sâu lắng, thấm đượm vào lòng người. Truyện ngắn của ông mang âm hưởng của một bài thơ trữ tình: nhẹ nhàng, đầy cảm xúc, có nhịp điệu, thanh âm và màu sắc. Điều này được thể hiện rõ nét qua tác phẩm *Hai đứa trẻ*.

Hai đứa trẻ...

Nhan đề truyện đã giới thiệu nhân vật chính của câu chuyện và gợi mở sự chú ý của người đọc. Nhan đề khiến người ta nghĩ đến câu chuyện về trẻ nhỏ, nhưng nội dung lại là câu chuyện về những lo toan của người trưởng thành.

Liên là một trong hai nhân vật chính của tác phẩm. Truyện được kể theo ngôi thứ ba, người kể chuyện đặt điểm nhìn và kể chuyện qua "đôi mắt" của Liên. Ban đầu, tôi tự hỏi: Tại sao lại chọn kể qua "đôi mắt" của Liên, trong khi tác phẩm có tới hai nhân vật chính? Phải chăng, có điều gì đặc biệt ở cô bé này?

Có lẽ, bởi An còn quá nhỏ để hiểu, để nhìn hết những nghèo khổ, quẩn quanh, tù đọng của cuộc sống nơi đây. Chỉ qua Liên, người kể mới thể hiện trọn vẹn những tâm tư và cảm xúc của đứa trẻ. Đây là sự lựa chọn rất phù hợp và tinh tế.

"Bằng cách ngắt câu bằng màu, chấm câu bằng nốt nhạc và chuyển đoạn bằng hình ảnh", Thạch Lam đã xây dựng nhân vật cô bé Liên một cách tinh tế, nhạy cảm và giàu xúc cảm.

Giữa phố huyện buồn tẻ, cô bé Liên hiện lên với những suy nghĩ hồn nhiên, đôi khi trẻ con. Hình ảnh hai chị em ngước mắt *"nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông"* như đang chìm vào một không gian hư ảo và đầy cổ tích. Tâm hồn hai đứa trẻ vô tư, trong sáng như được bao bọc giữa bầu trời đầy sao. Hơn thế, chi tiết hai chị em chờ đoàn tàu trong đêm khiến người đọc cảm động sâu sắc.

Chúng không chờ tàu chỉ để buôn bán, bởi *"chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn, nhưng họ ở Hà Nội về!"*. Nơi ấy có những ánh sáng rực rỡ và lấp lánh. Đoàn tàu dường như đã trở thành khát vọng trong tâm hồn của hai đứa trẻ, hướng tới một cuộc đời tươi sáng, tốt đẹp hơn.

Song, hình ảnh cô bé Liên đầy trăn trở khi chiều tàn lại khiến tôi thấy rằng, cô bé có phần "người lớn" nhiều hơn. Ở tuổi ăn, ngủ, học hành, vô tư nhưng tâm tư của Liên lại trưởng thành hơn thế.

Tại sao lại như vậy?

Bởi Liên là một cô bé tinh tế và nhạy cảm. Ở tuổi cái tuổi này, đáng lẽ Liên phải được vui chơi, chạy nhảy, nhưng chị đã biết động lòng trước cảnh những đứa trẻ lom khom nhặt nhạnh những thứ còn sót lại ở chợ. Chị đã cảm thấy xót xa cho những mảnh đời nhỏ bé ấy. Liên thực sự là một người lớn, từ trong suy nghĩ, hành động và chính tấm lòng trắc ẩn.

Tháo vát, đảm đang, chịu khó – những đức tính này tôi đã thấy ở Liên. Hình ảnh cô bé chăm em, trông quán giúp mẹ, đợi tàu trong đêm khiến tôi không khỏi chạnh lòng. Trẻ con thường vô tư, không mảy may nghĩ đến những lo toan của người lớn. Vì hoàn cảnh gia đình, chị đã sớm phải trải qua những ngày tháng khó khăn. Liên vốn dĩ sống ở Hà Nội, nhưng vì bố thất nghiệp, gia đình phải về quê. Cảm giác hụt hẫng, lạ lẫm là khó tránh khỏi. Trong kí ức, những ánh đèn Hà Nội trở thành điều vô cùng quý giá đối với hai chị em Liên. Đoàn tàu đêm kia, với Liên, có lẽ là biểu tượng của một cuộc sống mới, đẹp đẽ hơn. Với sự mạnh mẽ, quyết tâm ấy, tôi tin rằng tương lai của Liên sẽ tốt đẹp. Chị sẽ không từ bỏ, không để mình bị cuộc đời vùi dập.

Hình ảnh Liên – một cô bé với tâm tư của người lớn sẽ mãi in sâu trong tâm trí tôi. Nhân vật được nhà văn Thạch Lam khắc hoạ qua ngòi bút hiện thực và lãng mạn, lời văn giàu chất thơ. Nhà văn còn đi sâu vào thế giới tâm trạng của nhân vật, khiến Liên hiện lên vô cùng chân thực, khơi dậy sự đồng cảm ở người đọc. Qua đây, nhà văn muốn nói với chúng ta về cuộc đời của những đứa trẻ phải sống trong một vòng tròn quẩn quanh, nhưng vẫn không nguôi khát vọng thay đổi. Đó là ý nghĩa rất nhân văn của câu chuyện.

Hai đứa trẻ là một trong những truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Thạch Lam. Việc xây dựng thành công nhân vật Liên đã góp phần tạo nên thành công cho tác phẩm, để lại trong tôi và trong lòng người đọc những ấn tượng khó phai mờ.

Đạo nghề của mỗi người...

Lê Ánh Tuyết
Lớp 12A8 – Chuyên Văn, THPT Chuyên Vĩnh Phúc, Vĩnh Phúc

ĐỀ BÀI:

Michelangelo là hoạ sĩ vẽ trần Nhà nguyện Sistine - một kiệt tác có kích thước khổng lồ (40mx14m). Mỗi ngày ông đều bắc thang tỉ mỉ vẽ từng nhân vật trong bức tranh. Một ngày nọ, bạn ông thấy vậy mới hỏi:

"Này sao cậu lại còn vật vã vẽ cả trong góc khuất như vậy làm gì? Có vẽ thì cũng có ai biết đâu chứ?"

Michelangelo trả lời:

"Có tôi biết."

(Trích *Thói quen chiến thắng*, Jun Ok Pyo)

Suy nghĩ của anh/chị về vấn đề được gợi ra từ câu chuyện trên.

BÀI LÀM

Từng có một thời nhà triết học Bùi Văn Nam Sơn – người được biết là "kẻ lữ hành theo chân các triết gia" đã âm thầm dạy miễn phí cho bất cứ ai muốn học triết. Trong một thế giới ồn ào, ông lẳng lặng làm ông đồ trao kiến thức với thái độ lặng yên, khiêm tốn. Điều này khiến tôi nhớ đến câu chuyện mà Jun Ok Pyo đã kể trong cuốn *Thói quen chiến thắng* về Michelangelo – một trong những hoạ sĩ vĩ đại nhất thời kì Phục hưng và cũng là một chân dung lớn cho thấy sự tự ý thức sâu sắc về đạo nghề của chính ông.

Câu chuyện kể về quá trình Michelangelo vẽ trần Nhà nguyện Sistine, một kiệt tác có kích thước khổng lồ (40mx14m). Điều đáng chú ý là hằng ngày, ông đều tỉ mỉ vẽ từng nhân vật trong bức tranh khiến bạn của ông thắc mắc: "Này, sao cậu lại còn vất vả vẽ cả trong góc khuất như vậy làm gì? Có vẽ thì cũng có ai biết đâu chứ?". Người bạn này cho rằng việc Michelangelo vẽ tỉ mỉ từng nhân vật trong từng góc khuất – nơi không gian chìm khuất, phi trung tâm là vô ích và vô nghĩa, bởi sẽ chẳng ai quan tâm và chú ý đến. "Có tôi biết" – Michelangelo trả lời. Từ "biết" trong câu nói của Michelangelo mang nhiều nghĩa thú vị. Nếu

như người bạn cho rằng không có ai sẽ biết đến những hoạ tiết dù nhỏ nhất trong những góc khuất kia thì Michelangelo biết đến sự tồn tại của chúng. "Biết" còn là ý thức về lương tâm và trách nhiệm của một người nghệ sĩ, rằng nếu không chú tâm và không "hoạ" vào cả những góc khuất ấy thì đó sẽ là một sự bất lương của nghệ sĩ. Câu chuyện đã khơi dậy trong tôi nhiều suy nghĩ về đạo nghề của mỗi người. Đó chính là sự nghiêm túc, tỉ mỉ và làm bằng trọn tâm huyết của mình trong bất kì công việc nào, dù ở vị trí bình thường, ít được chú ý nhất.

Aristotle từng nói: "Con người là một con vật có mục đích sống. Cuộc đời của anh ta chỉ có ý nghĩa khi luôn hướng tới và nỗ lực cho mục đích sống của mình". Những mục đích, lẽ sống được ta vun đắp và kiến dựng trong công việc, trải nghiệm và thể nghiệm của bản thân. Sự tỉ mỉ của Michelangelo dường như cũng chính là cách ông hiện thực hoá lẽ sống và tuyên ngôn của mình: "Thiên tài chính là sự kiên nhẫn bền bỉ" (Genius is eternal patience).

Đạo nghề là thứ cần thiết ở mỗi cá nhân, vì nó giữ vững lòng tự trọng của mỗi người. Kể cả khi ta thực hiện công việc nhỏ bé và ít người chú ý thì sâu bên trong thâm tâm ta vẫn luôn được thôi thúc về việc hoàn thành sứ mệnh, nhiệm vụ. Nó giúp con người nhận thức được rằng, hoàn thành công việc không đơn thuần là cách được mọi người ghi nhận, quan trọng hơn cả là cách để lương tâm của chính mình không day dứt. Michelangelo và những con người như ông làm việc trong tâm thế "sẽ có người chú ý đến những góc khuất" và "bản thân cần quan tâm đến những góc khuất" bởi họ không chấp nhận thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm. Họ làm vì "biết" những sản phẩm của mình sẽ được trân trọng và "biết" lí tưởng mình hướng tới là gì.

Đạo nghề cũng thúc đẩy sự tận tâm và ý thức trách nhiệm ở mỗi người. Giữa cuộc sống hiện đại chông chênh và đầy phức tạp thì việc tỉ mỉ với những gì là nhỏ bé nhất, bình thường nhất là điều không dễ làm được. Nhiều người có suy nghĩ giống như người bạn của Michelangelo, rằng có làm thì cũng đâu ai biết, vì thế, họ chỉ lướt qua trên bề nổi, thực hiện công việc chỉ để "cho xong", đưa ra một sản phẩm mà ở đó chưa có sự kết tinh của tâm huyết, của ý thức trách nhiệm. Tôi tự hỏi rằng nếu như ai cũng quan tâm đến những cái lớn lao được đặt ở vị trí trung tâm thì liệu rằng những thứ nằm phía ngoại biên sẽ được ai chú ý? Đôi khi, chính nó lại mang chứa nhiều ý nghĩa, có thể thực hiện khả năng chữa lành và xoa dịu. Trong *Bản tin về hoa anh đào*, nhà văn Nguyễn Vĩnh Nguyên đã kể về một người bạn làm kí giả ở Đà Lạt của ông: "Nhiều năm viết báo với trách nhiệm và sự dấn thân, anh đã đóng góp nhiều

điều cho những việc lớn của thành phố. Nhưng với riêng tôi, điều đáng nể phục ở anh lại không chỉ nằm ở những loạt phóng sự điều tra gay cấn, những kí sự đường xa đầy phiêu lưu, những tiếng nói phản biện xã hội từ hiện trường đời sống, mà nơi những bản tin nhỏ về hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa đông – xuân". Giữa hỗn tạp những phóng sự gay cấn, người kí giả ấy viết cả về sự bung nở của những đoá hoa anh đào. Những độc giả bị "sốc hoa" (chữ dùng của tác giả) chắc chắn sẽ hỏi ngay rằng bản tin về một loài hoa sẽ giải quyết được điều gì? Dĩ nhiên, nó không đáp ứng được tức thời nhu cầu nắm bắt thông tin của con người nhưng về lâu dài, bản tin về hoa anh đào ấy sẽ là thứ cứu cánh, thanh lọc tâm hồn con người giữa bộn bề của thời đại số.

Cả đời Michelangelo gắn liền với nghệ thuật, trong Michelangelo chắc chắn có sự hiện diện của một thứ "đạo nghề". Cách Michelangelo ứng xử với những góc khuất: tỉ mỉ vẽ từng nhân vật với từng đường nét, họa tiết, gam màu,... dường như cũng chính là cách ông ứng xử với nghệ thuật, với lí tưởng làm nghề của mình. Có lẽ những người như ông "biết" ý nghĩa của công việc không chỉ nằm ở sản phẩm đầu ra mà quan trọng hơn, nó nằm ở hành trình thực hiện. Với những người thưởng lãm nghệ thuật thực sự, họ không chỉ quan tâm đến kiệt tác vĩ đại, không chỉ chú tâm đến những họa tiết chìm khuất mà còn "biết", còn nhìn thấu thấy sức lực, tâm huyết của người tạo tác. Việc đi tìm ý nghĩa sâu xa của công việc dường như cũng là điều mà bất cứ người làm nghề chân chính nào cũng ý thức được. Như Sir William Osler – người được mệnh danh là "cha đẻ" của ngành y tế hiện đại đã từng chiêm nghiệm: "Thầy thuốc giỏi thì chữa lành bệnh. Thầy thuốc vĩ đại thì chữa lành cho người mắc căn bệnh đó". Hay vị bác sĩ nổi tiếng người Mỹ Patch Adams cũng từng phát biểu: "Chữa một căn bệnh, bạn có thể thắng, bạn có thể thua. Chữa cho một bệnh nhân, tôi đảm bảo bạn sẽ luôn thắng, cho dù kết quả ra sao đi nữa". Sir William Osler hay Patch Adams, họ cũng đã tìm thấy cho mình ý nghĩa sâu xa của nghề thầy thuốc: chữa lành một con người! Suy cho cùng thì đây mới chính là đích đến của đạo nghề chăng?

Câu chuyện của Michelangelo đã để lại trong tôi và bạn những suy tư về sự tỉ mỉ, trách nhiệm khi bắt tay vào bất kì vào nhiệm vụ nào. "Có tôi biết" là tiếng nói vọng lên sâu thẳm trong tôi, giúp tôi hiểu mọi hành động đều mang một giá trị riêng, vì vậy hãy luôn đặt trọn tâm huyết trong từng việc làm dẫu chỉ nhỏ bé và giản đơn.